



lasuco

since 1980

tất cả là tự nhiên



2017 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG



HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG

website: www.lasuco.vn

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP

02	Thông điệp Chủ tịch HĐQT
----	--------------------------

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

06	Thông tin về công ty
08	Quá trình hình thành và phát triển
12	Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
13	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

16	Mô hình quản trị
18	Sơ đồ bộ máy quản lý
20	Giới thiệu HĐQT - Ban Kiểm soát - Ban điều hành

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

28	Định hướng phát triển công ty
35	Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

38	Những điểm nhấn trong năm tài chính 2016 - 2017
42	Tình hình hoạt động - sản xuất kinh doanh
44	Tình hình thực hiện các dự án và đầu tư tài chính
52	Tình hình tài chính
53	Cơ cấu cổ đông

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

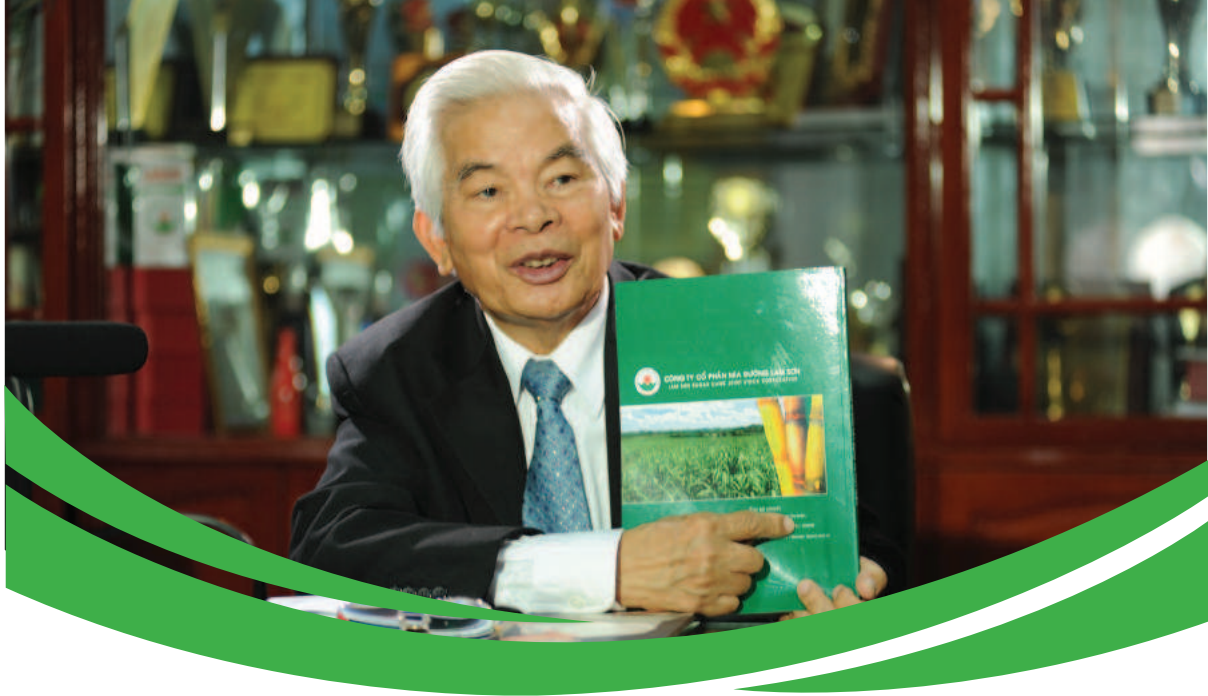
58	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
60	Kế hoạch SXKD năm tài chính 2017 - 2018 và giải pháp
64	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm MT&XH

QUẢN TRỊ CÔNG TY

72	Hoạt động của HĐQT năm tài chính 2016 - 2017
78	Hoạt động của BKS năm tài chính 2016 - 2017
80	Các giao dịch - thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - BĐH - BKS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2016 - 2017

86	Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ
97	Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông & Các nhà đầu tư!

Niên độ tài chính 2016-2017 của LASUCO đã khép lại - với những thách thức chống chất từ biến đổi khí hậu và biến động bất lợi của thị trường ngành đường thế giới & trong nước - tồn kho lớn, giá giảm sâu; đường lậu tuồn vào cả hơn nửa triệu tấn, bên cạnh đó chủ trương **"Tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp"** giảm diện tích trồng mía của địa phương cộng với tâm lý "trồng, chặt" của nông dân, đẩy tới diện tích trồng mía bị thu hẹp tới gần 20% so với quy hoạch.

Nhưng với truyền thống vượt khó và bằng nhiều giải pháp ứng phó, xoay sở vật lộn trước những khó khăn thử thách -Tập thể những người lao động đã phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cho niên độ tài chính 2016 - 2017 và so với niên độ 2015-2016 có mức tăng trưởng: doanh số tăng 12%; Lợi nhuận trước thuế đạt 123,2 tỷ đồng, tăng 20%; Cổ tức 10% đạt mức kế hoạch. Năng lực tài chính lành mạnh, đủ sức cho sự phát triển cao và bền vững cả trước mắt & lâu dài. Vùng nguyên liệu được củng cố và tổ chức lại tập trung cao hơn - từ 113 xã, 4 NTQD thuộc 10 huyện nay chỉ 40 xã thuộc 5 huyện với diện tích 13.000ha. Quy mô diện tích hộ từ 0,4ha nay bình quân là 1,1ha/hộ - Quan hệ hợp tác liên kết với các địa phương cũng được xây dựng lại, chặt chẽ trách nhiệm cao hơn.

Cơ sở vật chất phục vụ thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía được đầu tư tăng thêm - Trung tâm nuôi cấy mô và nhân giống mía hàng năm sản xuất từ 3 - 4 triệu cây giống, cung cấp đủ giống cho trồng mới 4.000ha - đến năm 2020 bảo đảm 100% diện tích mía toàn vùng được trồng bằng giống mía mới chất lượng cao, đưa năng suất mía đạt mức bình quân từ 80 tấn/ha trở lên. Năng lực máy kéo cũng tăng thêm đủ sức cơ giới hóa đồng bộ cho 80% diện tích mía trong vùng. Lĩnh vực thương mại, thị trường được đặt lên hàng trọng yếu hơn. Công ty TNHH Thương mại & XNK Lam Sơn được thành lập với 123 cửa hàng ở hầu khắp các tỉnh, thành phố lớn đi vào hoạt động có hiệu quả, đã và đang mở ra những triển vọng mới. Thương hiệu LASUCO được định vị lại không chỉ có sản phẩm đường mà cả các sản phẩm nông sản theo hướng hữu cơ sản xuất bằng công nghệ cao được người tiêu dùng tin yêu. LASUCO tiếp tục được xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn và 1000 doanh nghiệp có mức nộp thuế TNDN cao nhất. Trách nhiệm doanh nghiệp gắn với xã hội tiếp tục được nâng cao.

Những thành quả to lớn đó, tiếp tục khẳng định vị thế mới của LASUCO, không chỉ bằng nguồn lực vật chất mà còn là niềm tin, tín nhiệm trao gửi của các cổ đông, sự hợp tác & đồng viên có hiệu quả của bạn hàng, người tiêu dùng, bà con trồng mía cùng lãnh đạo các cấp các ngành từ trung ương đến địa phương và những người lao động trong doanh nghiệp là những động lực to lớn đối với LASUCO.

Thưa quý vị!

Niên độ tài chính 2017-2018 đã qua hơn 1/4 thời gian, chúng kiến những khó khăn tiếp nối - đầu tháng 10/2017 một trận lũ lụt lịch sử làm hơn 30% diện tích mía đã đến lúc vào vụ thu hoạch bị ngập lụt; Thị trường đường trong nước ảm đạm, tồn kho tăng, giá giảm sâu; Tâm lý người mua “chờ ăn đường giá rẻ, từ 1/1/2018 Hiệp định tự do thương mại ASEAN có hiệu lực”... đang đặt ra những thách thức mới lớn hơn và cấp bách với Ngành Mía Đường Việt Nam và LASUCO không ngoại lệ.

Nhận biết sớm tình hình đó, trong những năm qua, chúng ta đã có nhiều giải pháp hữu hiệu thích ứng khắc phục giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh - Cơ cấu lại sản xuất, tái định vị thương hiệu, chuyển đổi mạnh mẽ định hướng phát triển **“Tập trung vào chế biến sâu - sản xuất đa dạng các sản phẩm từ đường”** và khai thác tối đa các phụ phẩm từ cây mía, nhằm nâng cao giá trị gia tăng theo hướng hữu cơ, bằng công nghệ cao thân thiện với môi trường.

Xây dựng và triển khai các dự án công nghiệp chế biến thực phẩm sạch theo hướng hữu cơ từ lúa gạo, từ nông nghiệp CNC; Các sản phẩm tre luồng thân thiện môi trường gắn du lịch tâm linh, sinh thái và làng nghề thủ công mỹ nghệ phát huy lợi thế địa phương... đầu tư các dự án tái tạo năng lượng từ bã mía và chất thải nông lâm nghiệp, Chương trình Năng lượng mặt trời; Kiện toàn đổi mới cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị Công ty.

Phát huy thế mạnh truyền thống hợp tác liên kết sâu giữa Công ty - Địa phương - Nông dân trồng mía - Doanh nghiệp bạn, tổ chức lại vùng mía tập trung quy mô lớn hơn xây dựng 40 hợp tác xã kiểu mới, phát triển ổn định vùng mía thâm canh công nghệ cao. Triển khai hiệu quả dự án **“Làm mới cây mía và hạt đường Lam Sơn”** đồng thời tiếp tục phát triển thị trường theo hướng hình thành chuỗi giá trị sản xuất từ cây mía và các sản phẩm thực phẩm nông nghiệp CNC đến người tiêu dùng - **“Vi chất lượng cuộc sống con người và sức khỏe của cộng đồng”**. Phấn đấu đạt tăng trưởng từ năm tài chính 2017 - 2018 ÷ 2019 - 2020 từ 20% trở lên. Cụ thể năm 2017 - 2018 doanh số: 2.300 tỉ đồng, lợi nhuận 125 tỉ đồng, cổ tức 12%, nâng giá trị cổ phiếu lên tối thiểu đạt 1,5 mệnh giá.

Mục tiêu kỳ vọng lớn và rất nặng nề. Thời cơ và thách thức luôn đan xen, khó khăn không bao giờ hết; Thuận lợi cũng không sẵn có, chỉ có lao động sáng tạo, nhạy bén và kiên trì vận động có hiệu quả của tập thể lãnh đạo và đội ngũ quản lý - khoa học công nghệ cùng người lao động của LASUCO chắc chắn hoa thơm và quả ngọt sẽ tới.

LASUCO luôn đặt niềm tin vào sự đồng tình cổ vũ, đóng góp tâm huyết thường xuyên quan tâm ủng hộ hợp tác của các cổ đông, nhà đầu tư và các bạn hàng vì lợi ích chung.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



AHLĐ. Lê Văn Tam



THÔNG TIN CHUNG **01**

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- TÊN TIẾNG VIỆT:	Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- TÊN TIẾNG ANH:	Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation
- TÊN GIAO DỊCH:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
- TÊN VIẾT TẮT:	LASUCO
- MÃ GIAO DỊCH:	LSS
- VỐN ĐIỀU LỆ:	700.000.000.000 đồng
- VỐN CHỦ SỞ HỮU:	1.617.013.672.818 đồng

Ngày thành lập:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thành lập ngày 06 tháng 12 năm 1999 do Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển đổi từ Công ty đường Lam Sơn. Tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn được thành lập ngày 31/03/1980.

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/12/1999, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 4/10/2016.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Thông tin liên lạc:

- TRỤ SỞ CHÍNH:	Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
- ĐIỆN THOẠI:	0237 899 6667
- FAX:	02373 834 092
- EMAIL:	info@lasuco.com.vn info@lasuco.vn
- WEBSITE:	www.lasuco.com.vn www.lasuco.vn

Biểu tượng công ty:





lasuco

since 1980

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

I. THỜI KỲ XÂY DỰNG NHÀ MÁY (1980 - 1989)

II. THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN (1990 – 1999)

III. THỜI KỲ SAU CỔ PHẦN HÓA (Từ 2000 đến nay)

Ngày 02/11/1986

Nhà máy đi vào sản xuất vụ đầu tiên, giai đoạn từ 1986 - 1989 nhà máy cực kỳ khó khăn: Thiếu vốn, nguyên liệu không đủ 5% công suất, hơn 600 công nhân không có việc làm, nhà máy đứng bên bờ vực phá sản, đã nhiều lần bàn tới việc phá dỡ chuyển đi nơi khác.

1980

Ngày 12/01/1980:

Nhà máy được xây dựng theo quyết định số 24/TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn với Công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp; thời gian xây dựng kéo dài hơn 5 năm.

1986

1995

Tháng 10/1995

Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty Đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp-Nông dân-Trí thức, nơi gìn giữ lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, phát triển vùng nguyên liệu mía cho nhà máy.

1996

Ngày 21/10/1996

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II theo quyết định số 775/TTg với tổng mức đầu tư 451,098 tỷ đồng. Vụ 1998 -1999 dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.

1999

Để ghi nhận những đóng góp to lớn của tập thể CBCNV và của lãnh đạo công ty. **Nhà nước đã phong tặng tập thể công ty và Tổng giám đốc Lê Văn Tam danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.**

2008

Năm 2008:

Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là LSS. Vốn điều lệ 300 tỷ đồng, Tổng tài sản trên 1.200 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu gần 800 tỷ đồng.

2012

Năm 2012:

Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 12,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.

2013

Ngày 30/09/2013:

Triển khai Dự án “**Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn**”

Tổng mức đầu tư của Dự án là 135 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư từ vốn tự có của Lasuco được trích lập từ quỹ phát triển khoa học công nghệ và vốn vay.

Mục tiêu của Dự án là:

Quy hoạch và Xây dựng một Khu Nông nghiệp CNC đẳng cấp Quốc gia trên cơ sở hình thành Trung tâm Nông nghiệp CNC Bắc Miền Trung.

2015

Năm 2015:

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển đổi năm tài chính từ 1/1 - 31/12 hàng năm sang 1/7 - 30/6 năm sau phù hợp với sản xuất thời vụ mía đường.

2016

Ngày 01/07/2016:

Chính thức chuyển đổi mô hình quản lý, đưa Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam sơn hoạt động độc lập theo mô hình doanh nghiệp khoa học; đánh dấu bước chuyển biến mới, bám sát và thực hiện thành công mục tiêu ban đầu.

NHÀ MÁY ĐƯỜNG LAM SƠN



ĐC: THỊ TRẤN LAM SƠN - THỌ XUÂN - THANH HOÁ * ĐT: 0373.834.091 - FAX: 0373.834.092



lasuco

since 1980

Tất cả là tự nhiên

LASUCO _ Hợp tác phát triển bền vững vì cộng đồng

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN:

Xây dựng và phát triển LASUCO trở thành Tập đoàn Nông nghiệp chuyên sâu, uy tín thương hiệu toàn cầu, tập trung vào chuỗi giá trị dinh dưỡng cao theo hướng hữu cơ và hữu cơ đến từ tự nhiên.

SỨ MỆNH:

LASUCO cam kết:

+ Tất cả các sản phẩm được sản xuất và cung cấp ra thị trường là sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ, theo hướng hữu cơ đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu bằng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến thân thiện môi trường “Vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe con người”
+ “Cùng với nông dân làm giàu” và “Hợp tác phát triển bền vững vì cộng đồng”.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Hiệu quả - Chất lượng - Tín nhiệm: Chất lượng là mục tiêu hàng đầu; luôn giữ chữ tín trong mọi cam kết; lấy hiệu quả là thước đo chất lượng công việc;

Trách nhiệm - Thân thiện - Bền vững: Giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi;

Sáng tạo - Đổi mới - Năng động là động lực quan trọng đổi mới Lasuco, là thước đo hiệu quả làm việc của mỗi thành viên LASUCO.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

Công nghiệp sản xuất đường, điện, các sản phẩm cạnh đường, sau đường; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: Rau, Hoa, Quả cao cấp; Sản xuất lúa gạo hữu cơ; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

Mục tiêu công ty:

Xây dựng và phát triển LASUCO thành tập đoàn kinh tế Nông nghiệp chuyên sâu bền vững, sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm sạch theo hướng hữu cơ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; Đảm bảo và hài hòa mối quan hệ lợi ích bền vững giữa Cổ đông, Người trồng mía, Người lao động trong doanh nghiệp và lợi ích xã hội, cộng đồng.

Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Địa bàn kinh doanh:

Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.

CÁC DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG LASUCO

Sản phẩm:
ĐƯỜNG TINH LUYỆN LAM SƠN
REFINED SUGAR
KLT: 500gr - 1kg - 30kg - 50kg



Sản phẩm:
ĐƯỜNG VÀNG TINH KHIẾT
PURE YELLOW SUGAR
KLT: 1kg - 30kg - 50kg



Sản phẩm:
ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG LAM SƠN
WHITE SUGAR
KLT: 1kg - 30kg - 50kg



Sản phẩm:
ĐƯỜNG PHÈN TINH KHIẾT
ROCK SUGAR WHITE - YELLOW
KLT: 350gr - 500gr



Sản phẩm:
ĐƯỜNG BỘT THƯỢNG HẠNG
LAM SON ICING SUGAR
KLT: 350gr - 400gr - 500gr



Sản phẩm:
ĐƯỜNG THANH THƯỢNG HẠNG
BROWN BAR SUGAR
KLT: 300gr - 500gr



Sản phẩm:
ĐƯỜNG LỎNG CAO CẤP LAM SƠN
SYRUP
KLT: 350gr - 500gr

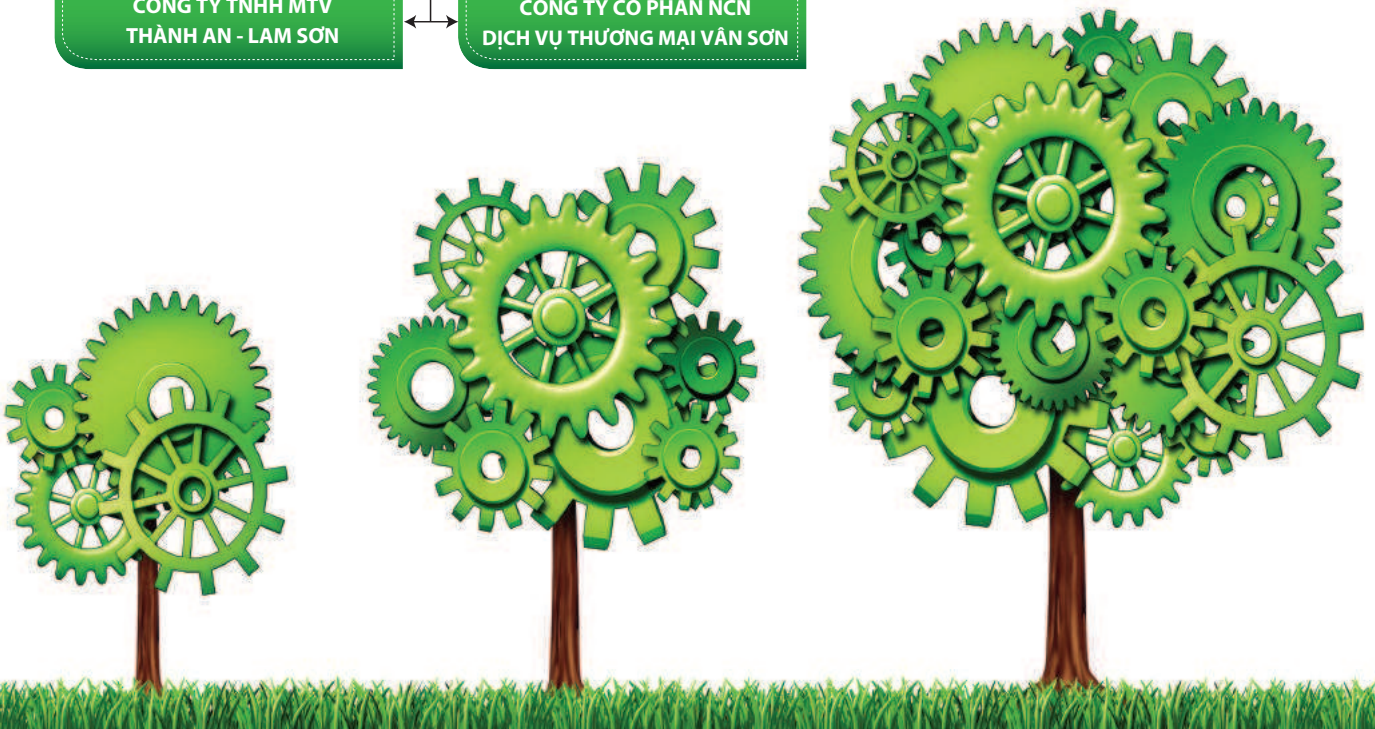
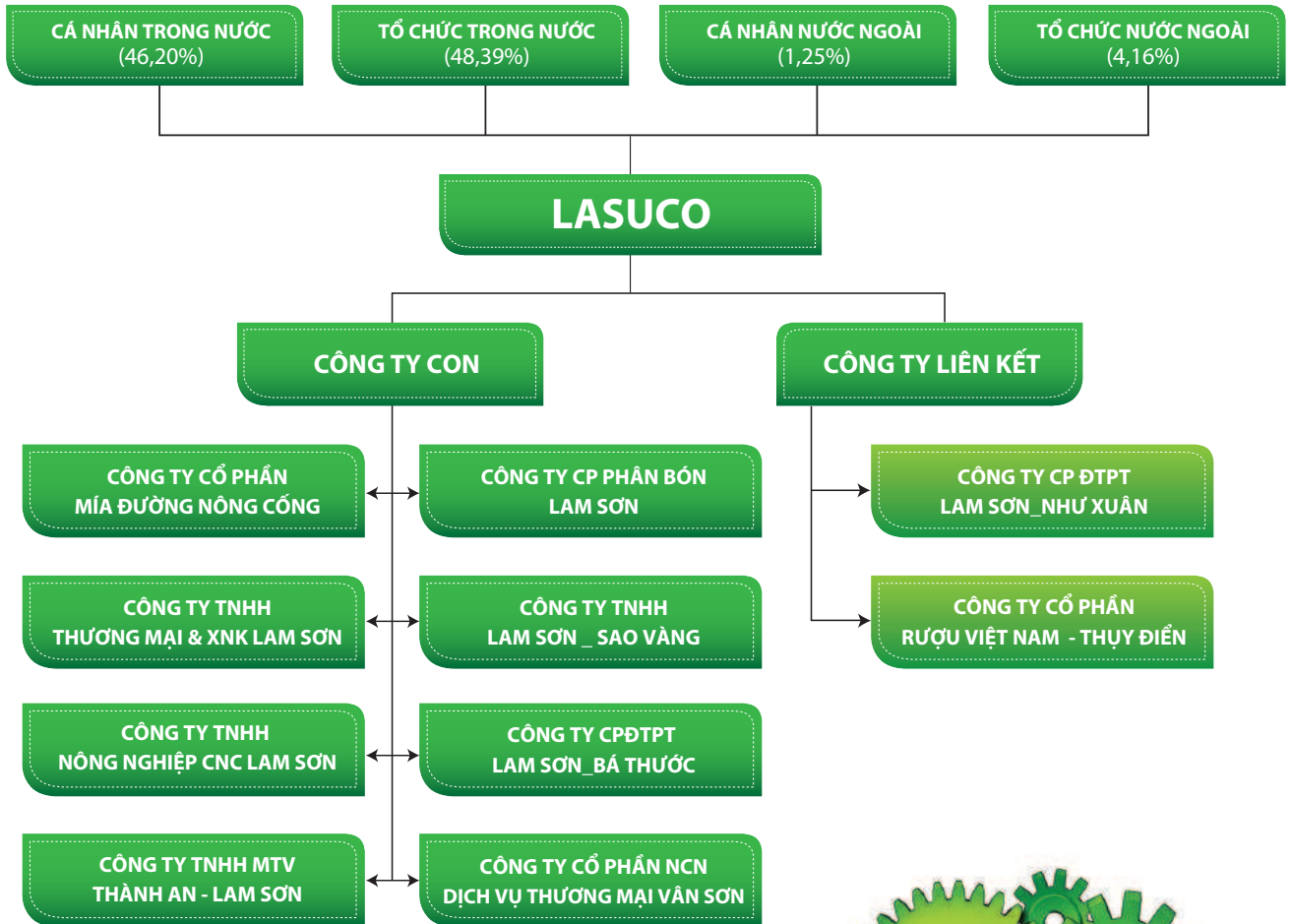


Sản phẩm:
MẬT HỮU CƠ LAM SƠN
BLACKSTRAP MOLASSES
KLT: 500gr



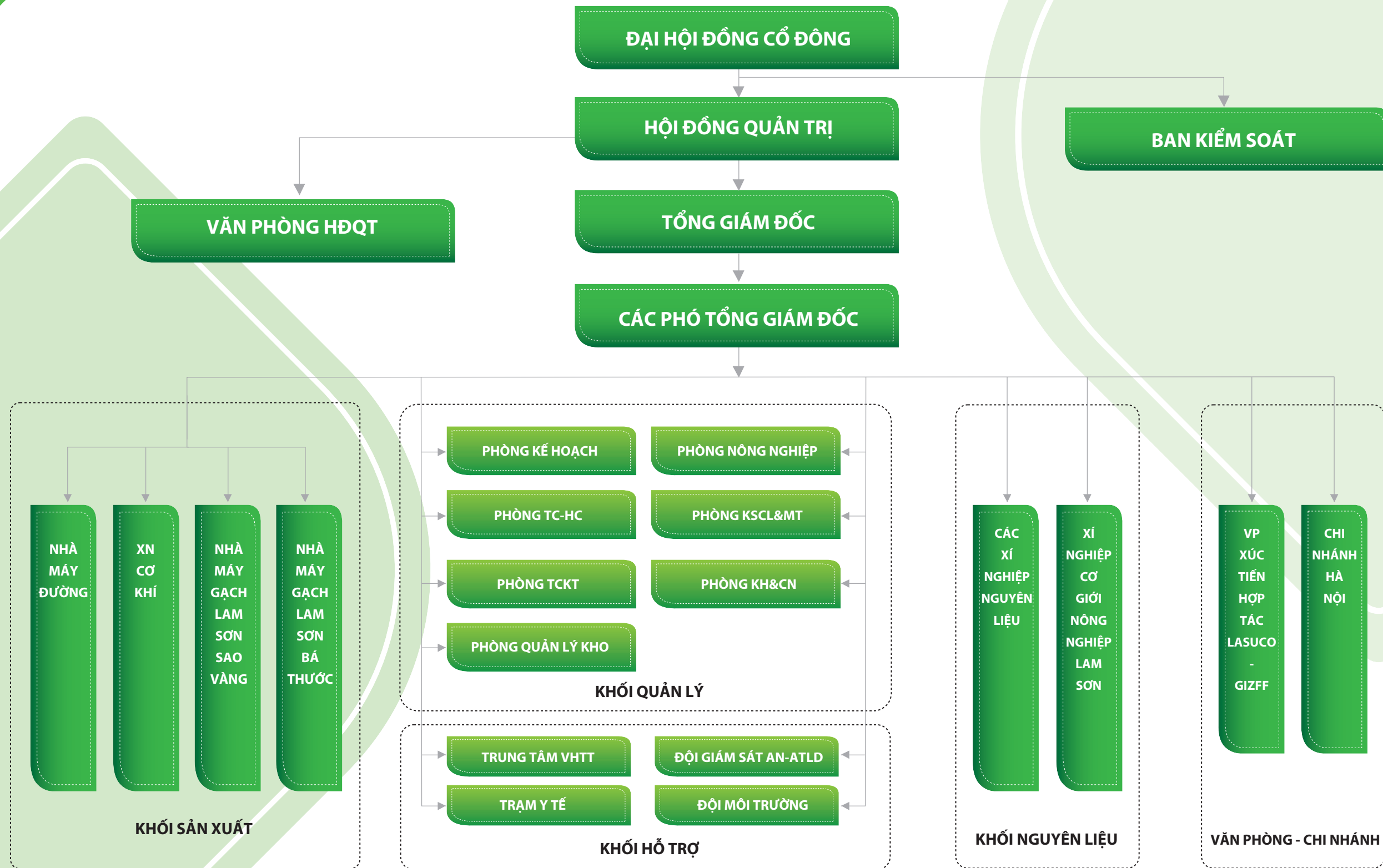
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC - QUẢN LÝ



QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ VĂN TAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh ngày: 10/11/1937

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 10/1971 - 6/1975:	Công tác tại phòng Kế hoạch - Ty NN Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1975 - 1/1977:	Phó phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 2/1977 - 6/1978:	Trưởng phòng Kế hoạch - Ty NN Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1978 - 6/1986:	Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa
- Từ 7/1982 - 10/1988:	Phó giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm Trưởng Ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hóa.
- Từ 11/1988 - 6/1992:	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.
- Từ 7/1992 - 12/1999:	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 2000 - 2007:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Việt Nam.
- Từ 2000 - 4/2011:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 5/2011 đến nay:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
	Đại biểu Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX (1992 – 1997) và Khóa X(1997 – 2002)



Ông LÊ TRUNG THÀNH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh ngày: 10/05/1965

Trình độ học vấn: - Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Cao cấp lý luận Chính trị.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 1993-2003:	Giám đốc Chi Nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ 2003- 2004:	Học tại Học Viện Chính trị Quốc Gia HCM
- Từ 2004-2006:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường Lam Sơn
- Từ 2007-2012:	Giám đốc Công ty TM - Du Lịch Lam Sơn
- Từ 2013 đến 01/2016:	Giám đốc Trung Tâm Thương mại Lam Sơn - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ Đầu tư các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Lam Hà.
- Từ 01/2016 – 10/2016:	Phó Tổng giám đốc phụ trách Thương mại, giám đốc Trung tâm Thương mại. Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Nông Cống.
- Từ 10/2016 đến nay:	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Nông Cống.



Bà LÊ THỊ TIẾN
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh ngày: 11/10/1968

Trình độ học vấn: - Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Thạc sỹ Kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Tháng 12/1989:	Tốt nghiệp ĐH về công tác tại Công ty đường Lam Sơn. NV Phòng TCKT - Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 12/1989 - 8/1995:	Phó phòng TCKT – Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 8/1995 - 8/2001:	Kế toán trưởng Công ty, Trưởng phòng Tài chính Kế toán,
- Từ 8/2001 - 7/2006:	Thành viên HĐQT Khóa II – Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ 7/2006 - 4/2011:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay:	Phó Bí thư, Bí thư Đảng ủy Công ty, Phó Chủ tịch HĐQT.



Ông PHÙNG THANH HẢI
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh ngày: 22/11/1965

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 10/1986 - 6/1996:	Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 7/1996 - 2/2017:	Kế toán trưởng Hiệp hội mía đường Lam Sơn
- Từ 7/2003 - 4/2011:	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn nhiệm kỳ II và III.
- Từ 12/2014 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Lam Sơn
- Từ 6/2014 đến nay:	Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.



Ông LÊ VĂN TIẾN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh ngày: 10/08/1965

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Kế toán.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 6/1986 - 12/1987:	Kế toán Công ty giống cây trồng Thanh Hóa
- Từ 1/1988 - 1992:	Kế toán xí nghiệp sứ Hàm Rồng Thanh Hóa.
- Từ 1992 - 1/2004:	Chi cục Thuế thành phố Thanh Hóa: Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng và Phó Chi cục Thuế Thanh Hóa (1997 - 2004)
- Từ 2/2004 - 7/2006:	Công tác tại Cục Thuế Thanh Hóa đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng thanh tra.
- Từ 8/2006 - 2011:	Công tác tại Công ty CP mía đường Lam Sơn. Đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP vận tải Lam Sơn.
- Từ 2011 - nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP xây dựng số 3; Tổng Công ty ĐTTC Hà Thành, Công ty CP Lam Sơn - Như Xuân.
- Từ 10/2016 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà ĐỖ THỊ THANH HÀ **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Ngày sinh: 10/10/1982

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 01/2005 đến 06/2011:	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán.
- Từ 06/2011 đến 10/2016:	Phó Phòng Tài chính Kế toán.
- Từ 10/2016 đến nay:	Trưởng BKS Công ty CP mía đường Lam Sơn. Trưởng BKS Công ty CP mía đường Nông Cống



Ông ĐỖ VĂN MẠNH **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ngày sinh: 03/09/1959

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 05/1978 đến 05/1982:	Tham gia quân đội Sư đoàn 325, quân đoàn II.
- Từ 1982 đến 1989:	Cán bộ phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn.
- Từ 1990 đến 12/1999:	Kế toán viên Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 01/2000 đến nay:	Thành viên BKS của Công ty CP mía đường Lam Sơn.



Bà LÊ THỊ TÌNH **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ngày sinh: 26/03/1970

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 02/1992 đến 10/1996:	Thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty.
- Từ 10/1996 đến 08/2006:	Trưởng bộ phận kế toán Nhà máy cồn 1.
- Từ 08/2006 đến 11/2007:	Trưởng bộ phận kế toán Nhà máy đường 2
- Từ 11/2007 đến 4/2011:	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán
- Từ 05/2011 đến nay:	Thành viên BKS của Công ty CP mía đường Lam Sơn.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ VĂN PHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 05/11/1977

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 01/1999 đến 01/2005:	Nhân viên Phòng kiểm soát chất lượng và môi trường.
- Từ 02/2005 đến 10/2007:	Nhân viên Phòng công nghệ thông tin.
- Từ 11/2007 đến 07/2008:	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường;
- Từ 08/2008 đến 08/2009:	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường. Trưởng phòng công nghệ thông tin.
- Từ 09/2009 đến 05/2014:	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
- Từ 06/2014 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty.



Ông LÊ VĂN QUANG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 02/06/1979

Trình độ: - Cử nhân kế toán

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 2001 - 2005:	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán.
- Từ 2006 - 4/2011:	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát.
- Từ 4/2011 - 10/2016:	Trưởng Ban kiểm soát.
- Từ 10/2016 đến nay:	Phó Tổng giám đốc thường trực phụ trách nội vụ và kinh doanh.



Ông LÊ BÁ CHIÊU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 10/04/1976

Trình độ: Kỹ Sư Nông Nghiệp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 12/10/1998-24/8/2001:	Nhân viên Phòng Nguyên liệu.
- Từ 25/8/2001-16/9/2003:	Nhân viên kế toán - Xí nghiệp sản phẩm mới.
- Từ 17/9/2003 – 23/12/2003:	Nhân viên xí nghiệp nguyên liệu và Dịch vụ Vận tải
- Từ 24/12/2003- 15/5/2009:	Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư.
- Từ 16/5/2009- 21/11/2009:	Cán bộ trường Cao đẳng nghề Lam Kinh
- Từ 22/11/2009- 28/2/2011:	Phó phòng NL - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 1/3/2011 - 29/5/2014:	Giám đốc Công ty CPĐTPT Lam Sơn - Bá Thước.
- Từ 30/5/2014-04/2016:	Phó tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ tháng 04/2016 - nay:	Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Công ty TNHH Trung tâm NC&PT Nông nghiệp CNC Lam sơn.



Ông NGUYỄN DUY THÀNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 01/05/1968

Trình độ: Kỹ sư cơ khí

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 10/1992 đến 09/1994:	Công ty thuốc lá Thanh Hoá.
- Từ 10/1994 đến 08/2000:	Kỹ sư cơ khí, Công ty đường Lam Sơn
- Từ 09/2000 đến 07/2006:	Kỹ sư cơ khí, phó giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 08/2006 đến 04/2011:	Kỹ sư cơ khí, Giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 05/2011 đến 04/2014:	Ban dự án nâng cấp Nhà máy đường 2, Phụ trách bộ phận cơ khí, Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 05/2014 đến nay:	Phó Tổng giám đốc, Công ty CP mía đường Lam Sơn



Ông NGUYỄN VĂN LÂM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 14/10/1960

Trình độ: Cử nhân kinh tế công nghiệp.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 11/11/1997	Làm việc tại Phòng kế hoạch, Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 11/2003 đến 07/2006:	Phó Trưởng phòng kế hoạch.
- Tháng 08/2006:	Thư ký Công ty.
- Tháng 09/2006 - 09/2014:	Trưởng phòng kế hoạch.
- Từ tháng 10/2014 - 01/2016:	Trợ lý Hội đồng Quản trị.
- Từ 01/2016 đến nay:	Phó Tổng giám đốc phụ trách Dự án



Bà LÊ THỊ HUỆ
KẾ TOÁN TRƯỞNG KIỂM TRƯỞNG PHÒNG TC_KT

Ngày sinh: 28/08/1971

Trình độ: - Cử nhân Kinh tế

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ 11/1993 - 9/2003:	Nhân viên phòng TCKT C.Ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 10/2003 - 7/2006:	Phó phòng TCKT Công ty.
- Từ 8/2006 đến nay:	Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ngay sau đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016/2017, HĐQT đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh sau:

- **Tái bổ nhiệm chức danh:** Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc Nguyễn Văn Lâm và Phó Tổng giám đốc Nguyễn Duy Thành.

- Bổ nhiệm mới chức danh Phó Tổng giám đốc đối với ông Lê Văn Quang

- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Lê Trung Thành.

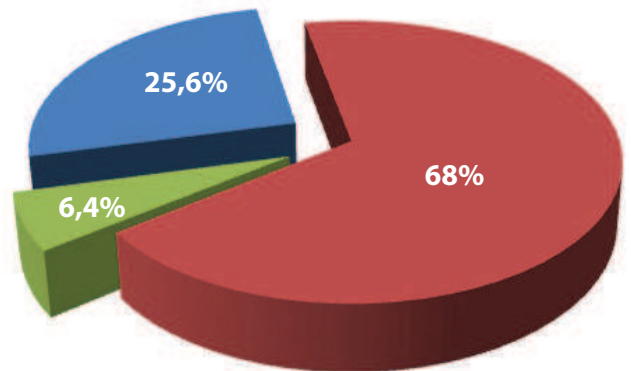
Thời gian thực hiện: Từ ngày 20/10/2016.

SỐ LƯỢNG CBCNV

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động - Trình độ lao động:

Năm tài chính 2016/2017, Tổng số lao động toàn Công ty có 845 người; trong đó lao động đại học trở lên là 217 người chiếm 25,6%; Lao động cao đẳng trung cấp 574 người chiếm 68%; lao động phổ thông chiếm 6,4%. Nếu tính theo độ tuổi: Lao động trong độ tuổi vàng chiếm 94%, lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm 6%. Năng suất lao động tăng 16% so với cùng kỳ năm trước; Thu nhập bình quân đầu người: 7.800.000 đ/người/tháng; tăng 8,5% so với thu nhập bình quân cùng kỳ năm trước.



- Đại học - Trên đại học
- Cao đẳng - Trung cấp
- Lao động phổ thông

Chính sách với người lao động:

Công ty luôn quan tâm chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lực lượng lao động vùng mía như: Khám sức khỏe định kỳ mỗi năm ít nhất 1 lần cho CBCNV, người lao động; đồng thời bố trí công việc phù hợp nhất với điều kiện sức khỏe cá nhân; Công tác đo kiểm môi trường làm việc được thực hiện hàng năm, nhằm có những giải pháp kịp thời cải thiện môi trường lao động, xây dựng các chế độ chính sách phù hợp trong lao động, khuyến khích kịp thời các đối tượng lao động; Chế độ bảo hộ lao động và phương tiện phòng hộ cá nhân cũng như công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt được thực hiện nghiêm túc, chế độ phúc lợi, chế độ BHXH luôn luôn bảo đảm đúng đủ và kịp thời.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Phát huy truyền thống đơn vị Anh Hùng lao động, Lasuco không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh ngành cốt lõi: Mía – Đường – Điện, các sản phẩm cạnh đường và sau đường, sản phẩm Nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao, tăng trưởng xanh theo hướng hữu cơ; xây dựng và phát triển chuỗi giá trị nông, công nghiệp, thương mại bền vững; nâng cao đời sống và việc làm cho người lao động, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích, thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Phấn đấu đến năm 2020 tổng doanh thu 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng, thu nhập BQ của CBCN 15 triệu đồng/người/tháng; cổ tức 18 - 20%, tỷ suất lợi nhuận của nông dân 40%/thu nhập, năng suất đường đạt >9 tấn/ha mía; nộp ngân sách trên 200 tỷ đồng. Đến năm 2025 doanh thu đạt 10.000 tỷ đồng, Lợi nhuận 1.000 tỷ đồng; Thu nhập BQ của CBCNV 20 triệu đồng/người/tháng; TS Lợi nhuận của người trồng mía 40-50% doanh thu/ha; năng suất 12 tấn đường/ha; cổ tức 18% - 20%; Nộp ngân sách 400 tỷ đồng.

2. Tập trung triển khai 5 Chương trình trọng tâm:

* CHƯƠNG TRÌNH MÍA, ĐƯỜNG

Về nguyên liệu mía: Tập trung cao xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu thực hiện đồng bộ các giải pháp lớn trong chương trình “Làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn” theo hướng tập trung, xây dựng cánh đồng lớn, cơ giới đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao để NSBQ đạt 80 tấn/ha, trong đó thâm canh đạt từ 100 tấn/ha trở lên, chất lượng 11 – 12 CCS; đảm bảo ổn định nguyên liệu, nhiên liệu cho các nhà máy sản xuất.



VỀ công nghiệp chế biến: Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị và công nghệ đã đầu tư và nâng cao công suất đồng phát điện, mục tiêu đến năm 2020 đạt 200.000 tấn đường (từ mía và luyện đường), phát điện bán lên lưới 100 triệu KWh. Trong đó, đầu tư đa dạng các sản phẩm mới từ mía đường, cạnh đường và sau đường, sản phẩm Organic, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và sức khỏe con người, nâng cao hiệu quả SXKD.

* CHƯƠNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Vận hành có hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH Trung tâm NC&PT Nông nghiệp CNC Lam Sơn, thực hiện thành công chiến lược sản xuất giống chất lượng cao, sạch bệnh, quy mô công nghiệp cung cấp cho vùng mía đường Lam Sơn và các vùng miền trong nước; nhân giống và sản xuất rau, hoa, quả chất lượng cao “vì chất lượng cuộc sống” cung cấp cho thị trường; là đầu mối chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch- nông nghiệp hữu cơ, gắn với thu mua sản phẩm, bảo quản, chế biến cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Mục tiêu đến năm 2020 đạt 70.000 tấn giống các loại và đạt 50.000 tấn sản phẩm rau, quả, tỷ trọng doanh thu từ Nông nghiệp CNC 30-35%. Phát triển Dự án “Cam vàng xứ Thanh”: Xây dựng và phát triển vùng Cam Vàng chất lượng cao; đến năm 2020 đạt sản lượng 150.000 tấn; Nghiên cứu triển khai xây dựng nhà máy công nghiệp chế biến rau quả, thực phẩm, đồ uống.



+ Chương trình Lúa gạo hữu cơ:

Hợp tác với các địa phương và nông dân phát triển vùng trồng lúa gạo sạch theo hướng hữu cơ, giảm phát khí thải nhà kính, thân thiện môi trường. Mục tiêu chiến lược đạt diện tích 10.000 ha, tập trung tại các huyện vùng đồng bằng của tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến lúa gạo xuất khẩu công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm.



* CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

từ các sản phẩm phụ của mía đường, các nguồn phế thải từ nông lâm nghiệp và năng lượng mặt trời.

Năng lượng từ bã mía: Hiện nay Công ty đã có nhà máy điện từ bã mía công suất 33,5 MW/năm. Hàng năm có thể phát 100 triệu kwh nếu đảm bảo nguyên liệu, tạo doanh thu lên đến hàng trăm tỷ đồng. Ngoài ra, có thể tăng thêm lượng phát kéo dài thời gian hoạt động ngoài vụ nếu bổ sung thêm chất đốt từ nguồn phế thải từ nông lâm nghiệp.

Dự án Năng lượng mặt trời: Công ty đã có dự án và nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Nhà máy điện năng lượng tái tạo 3MW” gắn với du lịch sinh thái để góp phần quảng bá, giới thiệu và phát huy tiềm năng tái tạo năng lượng ở Thanh Hóa. Dự kiến năm 2018 đầu tư và đưa vào sử dụng từ 2019. Đây là dự án khởi đầu xây dựng tại Khu NNCNC Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa là mô hình trình diễn, tạo cơ sở cho việc hình thành và phát triển tiếp các dự án ở cấp công suất lớn hơn trên qui mô tổng công suất 100MW tại Khu vực Lam Sơn – Sao Vàng và phía Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025. Dự kiến, dự án đi vào hoạt động sẽ phát 120 triệu kwh/năm.



* CHƯƠNG TRÌNH TRE LUỒNG XỨ THANH

CHƯƠNG TRÌNH TRE LUỒNG VỚI HAI DỰ ÁN LÀ:

1. DỰ ÁN CÔNG VIÊN - DU LỊCH SINH THÁI - TÂM LINH

+ QUY MÔ, VỊ TRÍ, MỤC TIÊU: Dự án Công viên du lịch, sinh thái, tâm linh Thanh Tam (Công viên) đầu tư tại các xã Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa gồm 02 khu đất có tổng diện tích khoảng gần 160 ha. Gồm khu Bãi nổi trên Sông Chu (Bãi Đoàn) 58 ha và Khu Đồi sinh thái 102 ha.

Công viên tọa lạc ở vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ, đường hàng không, đường biển: nằm cạnh trục đường Hồ Chí Minh; cách Cảng hàng không Thọ Xuân (Cảng dự phòng Quốc tế) 7 km và chỉ 1h45' bay từ TP Hồ Chí Minh đến; Cách Biển Sầm Sơn 60 km; cách Thành phố Thanh Hóa 45 km, cách Hà Nội 200 km; cách Cảng Nghi Sơn 60 km. Đây là vùng có nhiều phong cảnh đẹp, lân cận có nhiều điểm du lịch như Suối cá thần Cẩm Lương, Thành nhà Hồ, Khu di tích lịch sử Lam Kinh, Đền thờ Cầm Bá Thước, Khu di tích Hội thể Lũng Nhai, Khu du lịch Bến En...

Dự án đi vào hoạt động sẽ là điểm nhấn cho khu vực phía Tây Tỉnh Thanh Hóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ngành du lịch, dịch vụ, khai thác tối đa tiềm năng sẵn có kết hợp với việc giới thiệu, quảng bá và kinh doanh các sản phẩm làm từ tre luồng, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, chuỗi thực phẩm sạch-thực phẩm hữu cơ, các đặc sản vùng miền Tỉnh Thanh từ đó nâng tầm cho thương hiệu Xứ Thanh.

Công viên được chia thành 3 khu chức năng:

(1) Khu du lịch sinh thái Bãi nổi Sông Chu. Bao gồm các chức năng: vui chơi giải trí, thể thao trên cạn và dưới nước; công viên hoa & cây cảnh, vườn cam, vườn rau-quả hữu cơ, công nghệ cao...; Hồ điều hòa sinh thái cảnh quan gắn với chuỗi biệt thự nghỉ dưỡng Bungalow; trung tâm hội nghị, hội thảo Quốc tế; Nhà hàng ẩm thực, khách sạn cao cấp; Khu vật lý trị liệu - Spa - Nhà hát sân khấu 3D...

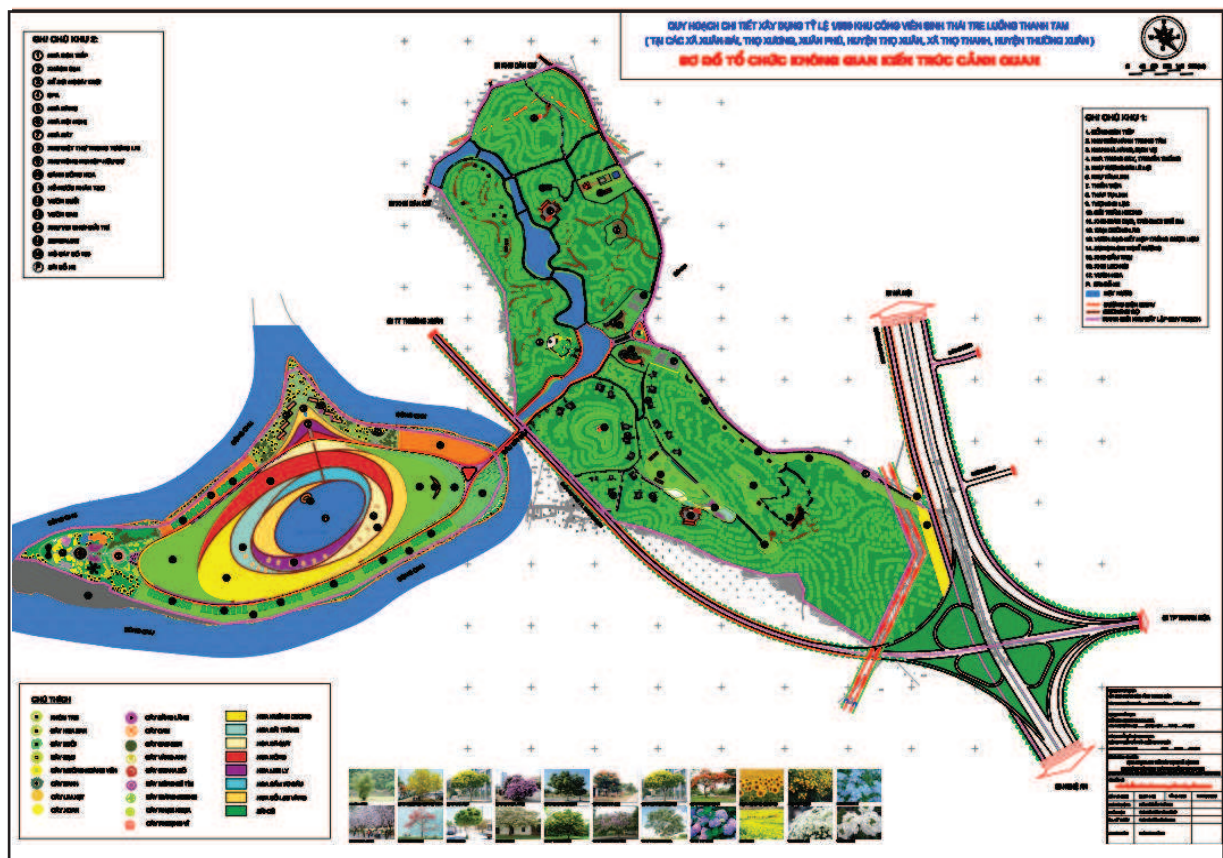
(2) Đồi sinh thái bảo tồn và phát triển tre, luồng: Hệ thống các khu vườn sưu tầm các loài tre, trúc; cây cổ thụ, cây xanh, cây cảnh quý hiếm gắn với đá, hoa, gốm sứ... Nhà giới thiệu các sản phẩm; Khu leo núi mạo hiểm, khám phá thiên nhiên...





(3) Khu du lịch sinh thái, lịch sử, tâm linh: Đền thờ Quốc mẫu Thần phi Trịnh Thị Ngọc Lữ, Tháp Tự Linh, Tượng Phật Di Lặc, Tượng Đài Vua Lê Lợi... quần thể khu dưỡng lão và thiền đường, Bungalow nghỉ dưỡng; khu giáo dục, đào tạo, vui chơi giải trí, cắm trại cho thiếu nhi...

+ TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN: Tổng nguồn vốn đầu tư dự kiến 500 tỷ; trong đó vốn tự có 40%, vốn vay và huy động 60%; Giai đoạn 1 (năm 2017-2020): 200 tỷ đồng; Giai đoạn 2 (năm 2021 - 2025) 300 tỷ đồng.

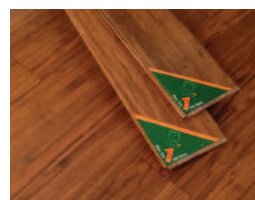
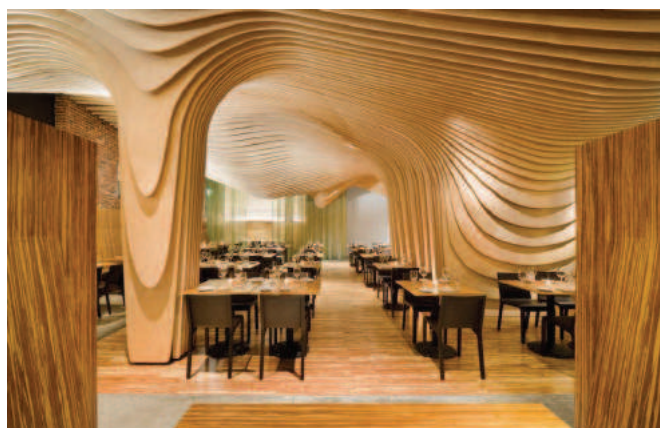


SƠ ĐỒ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN CÔNG VIÊN TRE LUỒNG THANH TÂM

2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT - CHẾ BIẾN TRE LUỒNG

Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến tre luồng tại các huyện phía Tây Thanh Hóa theo hướng bền vững và phát triển xanh.

- Sản xuất sản phẩm tre ép tấm, ép khối các loại từ nguyên liệu tre luồng, thay thế gỗ, vật liệu xây dựng, nội thất từ tre. Mở ra một ngành công nghiệp mới cho tỉnh nhà và cho cả nước, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Tạo nguồn thu nhập cho doanh nghiệp và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước. Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến tre luồng theo hướng bền vững và phát triển xanh. Dự kiến đến năm 2020 đưa vào sản xuất với công suất 20.000 m³/năm, tạo ra doanh thu 300 tỷ đồng đến năm 2025 đạt 100.000 m³ tạo doanh thu 1.500 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt từ 10-15%.



CHƯƠNG TRÌNH

THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GẮN VỚI QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU LASUCO

Đây là Chương trình quan trọng quyết định thành công Chiến lược phát triển của Công ty; Tập trung phát huy quan hệ hợp tác quốc tế, sẵn sàng hội nhập sâu rộng, hướng tới thị trường xuất khẩu; Với mục tiêu đảm bảo hàng năm nhập khẩu và mua trong nước 30-40% sản lượng sản xuất trở lên để tinh luyện và sản xuất sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao từ mía đường. Đồng thời mở rộng kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng nhóm ngành đường, đồ uống cao cấp, các loại nông sản thực phẩm sạch & thực phẩm Organic phục vụ người tiêu dùng.

Xây dựng và triển khai, mở rộng mạng lưới bán lẻ. Sản lượng bán lẻ hàng năm chiếm từ 30-40% tổng sản lượng của Công ty; phấn đấu tốc độ mở rộng các điểm bán lẻ từ nay đến năm 2020 tăng 15-20% /năm trở lên. Từ 2021 đến 2025 tăng 10%/năm; Trên cơ sở công bố tái định vị Thương hiệu LASUCO, thực hiện tốt cam kết, đồng thời tích cực truyền thông quảng bá Thương hiệu LASUCO đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước.



2.2. Các giải pháp chủ yếu

* **Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng**, trí tuệ cao, gắn bó với Công ty, đảm bảo trình độ chuyên môn, hiểu biết ngoại ngữ, say mê và gắn bó với doanh nghiệp... đủ điều kiện để vừa giữ gìn phát huy thương hiệu ngành cốt lõi hiện nay vừa tiếp cận và triển khai các dự án mới giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025.

* **Đổi mới phương thức sản xuất - phát triển nguyên liệu** từ nhỏ, lẻ, manh mún, phân tán, thủ công sang phương thức sản xuất cánh đồng mẫu lớn, quy mô tập trung, hiện đại và cơ giới hóa đồng bộ. Đây là giải pháp cấp bách và cơ bản đầu tiên để tạo bước đột phá cho sản xuất hàng hóa phát triển.

* **Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất**; phát triển nâng cao chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững từ khâu nguyên liệu đến tổ chức sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm, đến tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nội địa và xuất khẩu; gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp- phát triển bền vững.

* **Liên kết, hợp tác ngang - dọc** với địa phương, nông dân, các nhà khoa học, Viện khoa học và các doanh nghiệp từ sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm đến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong đó vai trò của doanh nghiệp là trung tâm, đầu mối

triển khai các chương trình hợp tác, liên kết.

* **Tăng cường đầu tư cho công tác thương mại, thị trường, XNK**: Quan tâm đầu tư cho khâu thương mại thị trường, củng cố bộ máy tổ chức và nhân sự, coi trọng phát huy quan hệ hợp tác quốc tế. Đảm bảo hàng năm nhập khẩu đủ nguyên liệu để tinh luyện, đồng thời từng bước hướng đến và nâng cao tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng hệ thống bán lẻ với các cửa hàng của LASUCO và mạng lưới bán hàng trên toàn quốc. Xây dựng và tiếp tục đổi mới bộ nhận diện Thương hiệu LASUCO và LASUCO GROUP; Tổ chức tuyên truyền quảng bá rộng rãi hình ảnh LASUCO trong và ngoài nước.

* **Giải pháp về tài chính**: Rà soát toàn bộ các nguồn lực tài chính của Lasuco và các đơn vị thành viên, phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư, khấu hao nhanh TSCĐ thu hồi vốn; giới thiệu quảng bá các chương trình dự án và kế hoạch chiến lược phát triển của Lasuco với nhà đầu tư, nâng cao giá trị doanh nghiệp, có chương trình kế hoạch huy động vốn từ các nhà đầu tư đảm bảo các dự án có tối thiểu 40% vốn Chủ sở hữu và huy động (bằng cổ phiếu hoặc trái phiếu); Nguồn vốn vay tín dụng không quá 60% tổng mức đầu tư. Tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước và tận dụng tối đa, bám sát các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đầu tư.



CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về nguyên liệu và vùng nguyên liệu

Rủi ro về thời tiết, khí hậu: biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, nhiệt độ tăng dần, hạn hán, lũ lụt phức tạp và xảy ra mới cường độ ngày càng tăng ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng mía. Đối với Lasuco vùng mía vẫn chiếm 70% đất đồi nên hạn hán nếu xảy ra rủi ro thiệt hại không nhỏ.

- Rủi ro về chính sách của nhà nước về đất đai giảm diện tích vùng nguyên liệu: quy hoạch cây trồng khác chủng quy hoạch vùng mía đường, bên cạnh đó quy hoạch đô thị trên vùng mía đường Lam Sơn cũng làm giảm dần diện tích trồng mía; Các dự án mới của Lasuco đã và đang triển khai cũng gắn với đất đai, yếu tố quyết định nguyên liệu vì vậy rủi ro chính sách đất đai là rất lớn.

Việc thu mua, vận chuyển mía, nông sản... và các phế liệu từ nông nghiệp cho sản xuất có rủi ro cao trong lưu thông do hàng công kênh, chi phí vận chuyển quá lớn, nguy cơ tăng chi phí SXKD.

2. Rủi ro về thị trường:

Dự báo sản lượng đường thế giới vụ 2017-2018 đạt 190 triệu tấn, tăng 14,5% so với vụ 2015-2016, cung cầu đã cân đối, cơ bản khắc phục việc thiếu hụt đường trên toàn cầu nên không có thông tin hỗ trợ. Bên cạnh đó, năm 2018 ngành mía đường Việt Nam hội nhập sâu rộng, cạnh tranh khốc liệt với các nước trong khối ASEAN, đặc biệt là Thái Lan. Vì vậy, thị trường đường năm tới và giai đoạn đến năm 2020 sẽ khó khăn hơn.

3. Rủi ro về pháp luật:

Hệ thống pháp luật Việt Nam đang tiếp tục thay đổi mạnh mẽ, có ưu điểm là hướng tới phù hợp với pháp luật quốc tế và các hiệp định về kinh tế như WTO, AFTA, FTA, TPP, ASEAN,...nhưng tính minh bạch còn hạn chế. Hơn nữa, liên tục thay đổi và nhiều văn bản nên khó áp dụng và rủi ro là không nhỏ đối với DN

đặc biệt những doanh nghiệp lớn; Chính sách BHXH, BHYT và KPCĐ thay đổi và ngày càng trích lập tăng lên về số tuyệt đối- tăng chi phí cho doanh nghiệp.

4. Rủi ro về nguồn nhân lực:

Đối với vùng nguyên liệu của Lasuco 70% mía đồi, manh mún, nhỏ lẻ khó áp dụng cơ giới hóa đồng bộ. Nguy cơ thiếu nhân công là rất lớn và chi phí nhân công cho vùng nguyên liệu sẽ tăng. Mặc dù Công ty đã có kế hoạch đưa mía xuống đất thấp nhưng phải triển khai dần trong nhiều năm. Bên cạnh đó nguồn nhân lực của Lasuco để đáp ứng cho các chương trình dự án mới đang là thách thức do đây là ngành mới, yêu cầu cao là điều kiện tiên quyết để đảm bảo triển khai các dự án thành công.

5. Rủi ro về tài chính:

Tỷ giá USD/VND có thể tăng, ảnh hưởng đến các dự án mới triển khai vì hầu hết thiết bị và công nghệ đều nhập khẩu, sẽ tăng giá trị công trình và nguồn vốn đầu tư. Giá xăng dầu đang có xu hướng tăng, chi phí SXKD đầu vào tăng sẽ khó khăn cho doanh nghiệp. Áp lực từ quyết tâm của Chính phủ đạt tăng trưởng GDP 2017 là 6,7%...cũng là một nhân tố đẩy lạm phát lên cao nếu Chính phủ không có giải pháp thiết thực.



TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Những điểm nhấn

Năm tài chính 2016-2017

1

Năm 2016-2017, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao và tăng trưởng cao so với năm trước: Doanh thu thuần đạt 2.024 tỷ đồng = 99%KH, tăng 12% so với năm 2015-2016; lợi nhuận trước thuế đạt 123 tỷ đồng = 102,5% KH tăng 19,9% so với năm trước; Nộp ngân sách 82,22 tỷ đồng tăng so với năm trước 22,5%.

2

Ngày 19/10/2016 Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2016-2017, Đại hội ĐHĐCĐ đã bầu HĐQT gồm 5 thành viên và Ban kiểm soát gồm 3 thành viên để thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2016-2021. ĐHĐCĐ lần này, ngoài việc thông qua các nội dung của Đại hội thường niên, thì còn sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014.



3

Năm 2016-2017 Công ty tập trung cao nguồn lực triển khai quyết liệt “Dự án làm mới lại cây mía Lam Sơn” đã đạt được những kết quả ấn tượng:

HĐQT Công ty ban hành chính sách phát triển mía nguyên liệu đến năm 2020 theo Thông báo số 135TB/ĐLS-HĐQT đã và đang là động lực thúc đẩy đầu tư, chăm sóc, mở rộng diện tích theo quy mô lớn, cơ giới hóa đồng bộ, thâm canh cao. Mục tiêu quy mô hộ đến năm 2020 đạt ≥ 5 ha/hộ; đến năm 2025 đạt ≥ 10 ha/hộ.

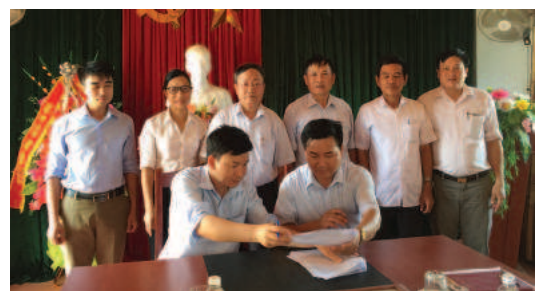
Công ty cơ bản hoàn thành xây dựng cơ sở cho Chương trình giống mía nuôi cấy mô sạch bệnh đến năm 2020: Vụ 2017-2018 đã trồng 500 ha mía mô hình thâm canh bằng



giống nuôi cấy mô sạch bệnh có năng suất và chất lượng cao. Đồng thời, vụ hè thu 2017 đã trồng được 380 ha mía giống từ giống nuôi cấy mô sạch bệnh. Như vậy nguồn giống mới đã chuẩn bị đến vụ 2018-2019 đảm bảo trồng trên 3.000 ha mía, chiếm 75% diện tích trồng mới toàn vùng. Đến 2019-2020 vùng mía sẽ được phủ 100% giống mía NCM sạch bệnh. Đây là giải pháp tiên quyết thực hiện Chương trình **“Làm mới cây mía Lam Sơn”**.



Năm 2016-2017 Công ty đã ký hợp đồng với Ban lãnh đạo của 4 huyện trọng điểm và 40 xã có diện tích lớn nhằm hợp tác chỉ đạo phát triển mía nguyên liệu 3 năm từ 2017-2020. Chương trình phát triển nguyên liệu đã được các xã, các huyện xây dựng nghị quyết chuyên đề riêng và tập trung chỉ đạo thực hiện. Đến nay đã có những chuyển biến lớn kể cả về kết quả chăm sóc mía vụ 2017-2018 và chuẩn bị đất đai mở rộng cho vụ tới theo hướng sản xuất quy mô lớn.



(Một số hình ảnh công ty ký hợp đồng hợp tác với 40 xã trọng điểm có diện tích lớn)

4

Năm 2016-2017 Công tác Thương mại thị trường tiếp tục có những nỗ lực vượt bậc, đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng vào kết quả SXKD của Công ty, đồng thời triển khai đạt trên 300 điểm bán lẻ trên toàn quốc, bao gồm các sản phẩm đường, sau đường, sản phẩm nông nghiệp CNC, lúa gạo sạch... “Vi chất lượng cuộc sống”.



5

Thực hiện chiến lược và mục tiêu “Vi chất lượng cuộc sống” cùng với các sản phẩm nông nghiệp CNC, LASUCO đã bắt đầu triển khai Chương trình Mía Đường Hữu cơ. Năm 2016-2017 Công ty đã đưa vào sản xuất gần 200 ha mía thử nghiệm bón phân hữu cơ Nano, Sumagrow bước đầu cho kết quả: mật độ nảy mầm và sinh trưởng tốt hơn các thửa đối chứng. Đây là cơ sở bước đầu để đánh giá và ứng dụng cho **chiến lược sản xuất mía đường hữu cơ.**



6

Các dự mới đầu tư đã và đang từng bước nâng cao hiệu quả: Dự án nông nghiệp CNC, ngoài Chương trình giống mía nuôi cấy mô, thì các mặt hàng đã có thương hiệu và được cung cấp cho nhiều tỉnh thành trong cả nước như Dưa vàng, cà chua, cam vàng, gạo theo phương pháp hữu cơ, hoa,... đã có được niềm tin yêu của người tiêu dùng.



7

Nhân dịp Kỷ niệm 70 năm ngày Bác Hồ lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa, Chủ tịch HĐQT Lê Văn Tam đã vinh dự được Tỉnh Thanh Hóa tặng Danh hiệu “Vì sự phát triển Thanh Hóa”. Danh hiệu “Vì sự phát triển Thanh Hóa” lần đầu tiên Tỉnh vinh danh 11 tấm gương đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Thanh Hóa trong thời kỳ đổi mới. Đây là niềm vinh dự tự hào lớn lao cho tập thể CBCN LASUCO và nông dân vùng mía đường Lam Sơn.



8

Công tác **“Đền ơn đáp nghĩa”**, công tác xã hội từ thiện, khuyến học tiếp tục được Công ty đặc biệt quan tâm với tổng số tiền chi trong năm đạt 1.038.600.000 đồng. Các tổ chức đoàn thể tiếp tục được quan tâm và hoạt động có hiệu quả. Trong năm tổ chức tốt Đại hội Công đoàn, Đại hội CCB, Đại hội Đoàn Thanh niên nhiệm kỳ 2017-2022; Nhiều hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng các sự kiện gắn kết chặt chẽ liên minh Công – Nông- Trí vùng mía đường Lam Sơn để lại ấn tượng tốt đẹp.



9

Năm 2016, Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; 5 CBCN được tặng Bằng Lao động sáng tạo, đưa số lượng Bằng LĐST lũy kế của Công ty được trao lên mức 96 người; Công ty được UBND Tỉnh Thanh Hóa trao Cờ thi đua năm 2016; Công Đoàn Công ty được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua năm 2016...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu các hoạt động:

Niên độ tài chính 2016-2017 cơ cấu doanh thu của Công ty như sau:

STT	DOANH THU	KH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017	TH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2015-2016	% +/- 16/17 SO 15/16
1	Tổng doanh thu	2.150.293	2.127.129	99,14	1.897.548	112
-	Đường	1.952.071	1.956.499	100,40	1.739.592	113
-	Mật rỉ	57.600	61.510	106,79	53.396	115
-	Điện thương phẩm	40.113	32.329	80,59	29.908	108
-	Vật liệu xây dựng	62.143	46.905	75,48	34.977	134
-	Doanh thu khác	38.367	29.886	81,19	39.673	79
2	Doanh thu tài chính		10.168,51		15.830,46	64,2
3	Thu nhập khác		1.781		1.102	161,6

Hoạt động sản xuất và kinh doanh đường mang lại doanh thu chính của Công ty trong năm tài chính 2016-2017. Công ty sản xuất và kinh doanh 3 dòng sản phẩm đường là đường tinh luyện (RE), đường trắng tinh khiết (RS) đường vàng tinh khiết (A). Trong đó, tỷ lệ doanh thu từ đường chiếm 92% trong cơ cấu doanh thu thuần. Niên độ 2016 - 2017, tổng sản lượng đường tiêu thụ giảm 3,67% so với kế hoạch, nhưng giá bán bình quân tăng 4,21% là nguyên nhân chính giúp doanh thu thuần đạt kế hoạch đề ra và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu đường đạt 1.959,8 tỷ đồng tăng 0,4% so với kế hoạch và tăng trưởng hơn 12% so với cùng kỳ.

Chi phí Cơ cấu chi phí niên độ 2016-2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC PHÍ	KH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017	TH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2015-2016	% +/- 16/17 SO 15/16
1	Giá vốn hàng bán	1.780.635	1.785.683	100,28	1.570.751	114
2	Chi phí hoạt động tài chính	32.100	28.964	90,23	45.485	64
3	Chi phí bán hàng	50.489	26.585	52,66	39.798	67
4	Chi phí quản lý	62.083	65.266	105,13	54.694	119
5	Chi phí khác	0	6.041		8.157	74

Tuy sản lượng đường tiêu thụ giảm so với kế hoạch 3,67% nhưng giá vốn thực hiện trong kỳ tương đương với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do trong năm tài chính sản lượng mía sụt giảm chỉ đạt 88% kế hoạch đề ra, Công ty đã nhập thêm đường thô, vàng,... vào tinh luyện đã làm cho giá vốn bình quân của đường sản xuất tăng so với kế hoạch. Tuy nhiên nhờ những giải pháp tối ưu hiệu quả chế luyện, tiết giảm chi phí sản xuất, gia tăng hiệu suất thu hồi, Công ty đã kiểm soát tốt giá thành sản phẩm so với kế hoạch.

Chi phí tài chính được kiểm soát chặt chẽ, thực tế phát sinh chỉ bằng 90,23% kế hoạch và bằng 64% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác vận chuyển được tối ưu để giảm chi phí bán hàng. Bên cạnh đó tổng chi phí bán hàng thực hiện chỉ bằng 53% định mức kế hoạch và bằng 66,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi phí quản lý tăng 5,13% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ Công ty trích Quỹ đầu tư phát triển KHCN cao hơn so với kế hoạch 16% và trích lập dự phòng cho một số khoản phải thu khó đòi.

Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh Cơ cấu lợi nhuận niên độ 2016-2017

STT	LỢI NHUẬN	ĐVT	KH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017	TH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2015-2016	% +/- 16/17 SO 15/16
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr/Đồng	120.000	123.205	102,67	102.769	119,89
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr/Đồng	102.000	103.373	101,35	89.172	115,93
3	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Tr/Đồng	1.274	1.477	115,93	1.274	115,93
4	Nộp ngân sách	Tr/Đồng	90.000	82.225	91,36	67.100	122,54

Kết quả lợi nhuận trước thuế tăng 2,67% so với kế hoạch và tăng gần 20% so với cùng kỳ. Kết quả đạt được là tổng hợp của nỗ lực phấn đấu trên các mặt kiểm soát các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tiết giảm chi phí, kiểm soát giá thành, tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn, đặc biệt là nỗ lực trong công tác luyện đường và bán hàng đảm bảo doanh thu trong năm, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

TÌNH HÌNH

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. Các dự án đầu tư

STT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ĐÃ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/6/2017
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình nhà lưới và chuyển giao công nghệ sản xuất rau - quả chất lượng cao tại Sao Vàng và Công nghệ cao	20.000.000.000	21.968.293.932
2	Dự án Công viên sinh thái Tre Luồng Thanh Tam	200.000.000.000	11.631.295.522
3	Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao sản xuất tre ép khối công nghiệp	450.000.000.000	1.003.030.545
	Tổng cộng	670.000.000.000	34.602.619.999

2) Các khoản Đầu tư tài chính:

* Đầu tư góp vốn thành lập các Công ty con:

- Góp 100% vốn thành lập Công ty TNHH TT NC & PT CNC Lam Sơn bằng việc chuyển từ đầu tư dài hạn sang số tiền 139.000.000.000 đồng.

- Góp 100% vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn, vốn điều lệ 26.000.000.000 đồng.

* Tái cơ cấu lại các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

- Thu hồi khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Thanh Hóa với tổng số vốn đã đầu tư là 10.533.790.000 đồng.

1 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN LAM SƠN

Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 27/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.

Trụ sở chính: Thôn Đá Dựng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 13.950.000.000 đ, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh, XNK phân bón các loại.
- San lấp mặt bằng.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.



2 CÔNG TY TNHH LAM SƠN - SAO VÀNG

Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.



Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Chế biến và bảo quản rau quả; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.

3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - BÁ THƯỚC

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422.

Trụ sở chính: Phố 3 - TT. Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 13.500.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ thực góp của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu

- Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
- Khai thác xử lý và cung cấp nước
- Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.



4

CÔNG TY CP NÔNG CÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÂN SƠN

Công ty Cổ phần Nông công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)

Vốn điều lệ thực góp: 11.400.000.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm)

Góp vốn của Lasuco: 11.400.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ đã góp của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.



- Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ.
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

5 CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG

Công ty Cổ phần mía đường Nông Cống được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2800492925 ngày 29/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03/02/2016



Trụ sở chính: Xã Thăng Long - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.844.000.000 đồng (Hai mươi tỷ, tám trăm bốn bốn triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 11.800.000.000 đ, chiếm 56,61% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đường, bán buôn tổng hợp, hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (kinh doanh xăng, dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Trồng cây mía, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (*Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị vật tư ngành chế biến đường*).
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (*Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa*)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Rèn, dập, ép và cán kim loại. xử lý và tráng phủ kim loại, sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm), sửa chữa thiết bị khác

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ trồng mía, giống mía; Tư vấn và chuyển giao công nghệ chế biến đường
- Sản xuất các sản phẩm sau đường; Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.



CÔNG TY TNHH 1TV THÀNH AN - LAM SƠN

Công ty TNHH 1 TV Thành An - Lam Sơn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801078996 ngày 22/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/06/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thanh hóa cấp.

Trụ sở chính: Xã Thọ Xương - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 1.800.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh xăng dầu
- Chế biến kinh doanh hàng lâm sản, trang trí nội thất
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng
- Vận tải hành khách bằng xe bus, xe taxi, vận tải khách du lịch.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.
- Kinh doanh hàng điện tử, điện dân dụng
- Dịch vụ cơ khí, sửa chữa ô tô, kinh doanh phụ tùng ô tô xe máy
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, thể thao giải trí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.



CÔNG TY TNHH TRUNG TÂM NC&PT CÔNG NGHỆ CAO LAM SƠN.

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802243177 ngày 23/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Thay đổi lần 1 ngày 11/08/2017

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 139.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 139.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

- Trồng cây mía
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lâu năm khác
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, dịch vụ sau thu hoạch.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Xử lý hạt giống để nhân giống, Chế biến và bảo quản rau quả
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & XNK LAM SƠN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802449548 ngày 20/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng (Hai sáu tỷ đồng chẵn)

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán buôn thực phẩm, chế biến và bảo quản rau quả
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- Bán buôn gạo, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn đồ uống.

1**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - NHƯ XUÂN**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801700568 ngày 18/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 15.000.000.000 đ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

2**CÔNG TY CP RƯỢU VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN**

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tp Hà Nội

Vốn điều lệ: 56.005.000.000 đồng (Năm sáu tỷ, không trăm lẻ năm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đ, chiếm 30,71% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.



năng lượng
nuôi dưỡng tương lai

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TỪ NGÀY 01/07/2016 - 30/06/2017	TỪ NGÀY 01/07/2015 - 30/06/2016	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.410.440	2.520.541	(4,34)
Doanh thu thuần	2.023.794	1.804.721	12,14
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	127.464	109.823	16,06
Lợi nhuận khác	(4.259)	(7.054)	39,62
Lợi nhuận trước thuế	123.205	102.768	19,89
Lợi nhuận sau thuế	103.372	89.171	15,93

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu::

CHỈ TIÊU	TỪ NGÀY 01/07/2016 - 30/06/2017	TỪ NGÀY 01/07/2015 - 30/06/2016	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Khả năng thanh toán hiện hành	3,04	2,74	(lần)
+ Khả năng thanh toán nhanh	0,07	0,03	(lần)
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,27	1,18	(lần)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	32,91%	36,5%	
+ Hệ số Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	67,09%	63,5%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,69	3,25	(lần)
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,82	0,72	(lần)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,11%	4,94%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,55%	5,73%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,29%	3,54%	
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	6,09%	5,69%	

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn được duy trì lành mạnh, hầu hết các chỉ tiêu tài chính đều tăng trưởng dương và tốt hơn so với cùng kỳ.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm nay so với năm trước được cải thiện một phần do nỗ lực quản lý, tiết giảm chi phí từ phía doanh nghiệp bên cạnh những khó khăn nội tại của ngành về đầu ra tiêu thụ, lượng đường tồn kho lớn, và vấn nạn về đường nhập lậu chưa được cải thiện.

Công ty cũng chủ động giảm bớt nợ vay trong khi nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên đã giúp Công ty đưa cơ cấu nguồn vốn về mức cân bằng hơn, qua đó giảm thiểu rủi ro từ đòn bẩy tài chính cũng như chi phí lãi vay phải trả.

Lợi nhuận sau thuế 2016/2017 được cải thiện, nợ vay ngân hàng đã giảm dần đã tăng tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh của LASUCO, thể hiện qua các hệ số thanh toán nhanh và khả năng trả lãi vay ngân hàng đã được cải thiện.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

Tính đến ngày 06/09/2017, vốn điều lệ của Công ty như sau :

Vốn điều lệ của Công ty	700.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	65.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	5.000.000 cổ phiếu



2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm ngày 06/09/2017 cơ cấu cổ đông của Công ty như sau: (Chốt Danh sách cổ đông để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017/2018 và tạm ứng cổ tức năm 2016/2017)

TT	CỔ ĐÔNG	SL CỔ ĐÔNG	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)
I	TRONG NƯỚC	2.691	66.216.021	94,59
1	Cổ đông là Cá nhân	2.659	32.341.527	46,20
2	Cổ đông là Tổ chức	32	33.874.494	48,39
II	NƯỚC NGOÀI	95	3.783.979	5,41
1	Cổ đông là Cá nhân	77	871.275	1,24
2	Cổ đông là Tổ chức	18	2.912.704	4,16
	TỔNG CỘNG	2.786	70.000.000	100

3. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu trở lên:

TT	CỔ ĐÔNG	SL CỔ ĐÔNG	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)
1	Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	TT Lam Sơn, Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	15.635.190	22,34
2	Công Ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Thăng Long Hà Nội	Số 6, Ngõ 53 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội, Việt Nam	11.115.116	15,88
3	Nguyễn Thị Phương	458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	4.310.709	6,16
	Tổng cộng		31.061.015	44,38

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CP BỊ HẠN CHẾ GIAO DỊCH	CP TỰ DO GIAO DỊCH	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ (%)
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	180.000	1.886.930	2.066.930	2,95
2	Lê Thị Tiến	P.Chủ tịch HĐQT	35.000	51.512	86.512	0,12
3	Lê Trung Thành	P.Chủ tịch HĐQT	15.000	12.052	27.052	0,04
4	Lê Văn Tiến	Ủy viên HĐQT	15.000	1.673.962	1.688.962	2,41
5	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	5.000		5.000	0,01
II	BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	5.000	3.130	8.130	0,01
2	Nguyễn Duy Thành	Phó TGD		4.712	4.712	0,01
3	Lê Văn Quang	Phó TGD	15.000	22.750	37.750	0,05
4	Lê Bá Chiêu	Phó TGD	5.000		5.000	0,01
5	Nguyễn Văn Lâm	Phó TGD	10.000		10.000	0,01
6	Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng	30.000	26.875	56.875	0,08
III	BAN KIỂM SOÁT					
1	Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	5.000		5.000	0,01
2	Lê Thị Tĩnh	Thành viên BKS	5.000	4.055	9.055	0,01
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKS	5.000	16.250	21.250	0,03

5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm công ty không có đợt tăng vốn cổ phần

6. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm tài chính Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

7. Các chứng khoán khác: không có.



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

03

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1) Tình hình tài sản

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Tài sản ngắn hạn	906.512	932.435	(25.923)	(2,78)
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.996	21.642	29.354	135
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	69.000		69.000	100
Các khoản phải thu ngắn hạn	354.892	374.163	(19.271)	(5,15)
Hàng tồn kho	430.789	535.870	(105.081)	(19,61)
Tài sản ngắn hạn khác	0.834	0.758	0.076	10,03
Tài sản dài hạn	1.503.927	1.588.106	(84.179)	(5,3)
Tổng tài sản	2.410.440	2.520.541	(110.101)	(4,3)

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 2.410.440 triệu đồng giảm 110.101 triệu đồng tương ứng giảm 4,3% so với đầu năm. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn giảm 25.923 triệu đồng và Tài sản dài hạn giảm 84.179 triệu đồng. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do giảm hàng tồn kho, giảm khoản phải thu ngắn hạn. Hàng tồn kho giảm 105.081 triệu đồng tương đương giảm 19,61% so với đầu kỳ là do trong kỳ Công ty đã tập trung thúc đẩy việc bán sản phẩm ra thị trường, giảm lượng hàng dự trữ trong kho. Đối với các khoản phải thu, Công ty đã tăng cường công tác quản lý, tích cực thu hồi các khoản phải thu, cuối kỳ giảm 19.271 triệu đồng so với đầu kỳ.

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Nợ phải trả	793.426	920.003	(126.577)	(13,76)
Nợ ngắn hạn	713.422	788.619	(75.197)	(9,54)
Nợ dài hạn	80.004	131.384	(51.380)	(39,11)
Vốn chủ sở hữu	1.617.013	1.600.537	16.476	1,06
Vốn chủ sở hữu	1.577.381	1.556.556	20.825	1,34
Nguồn kinh phí và quỹ khác	39.632	43.980	(4.348)	(8,29)
Tổng cộng nguồn vốn	2.410.440	2.520.541	(110.101)	(4,3)

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2017 là 2.410.440 triệu đồng giảm 110.101 triệu đồng so với đầu năm, trong đó Vốn chủ sở hữu tăng 16.476 triệu đồng từ lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm. Nợ phải trả giảm 126.577 triệu đồng chủ yếu do giảm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn (chủ yếu do Công ty đã tăng cường công tác quản lý nợ phải thu, tích cực thu nợ để trả nợ vay ngân hàng và các nhà cung cấp. Nợ phải trả chiếm 32,91% và vốn chủ sở hữu chiếm 67,09% tổng nguồn vốn của Công ty. Đây là tỷ lệ tương đối an toàn đối với Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để năm 2017-2018 đổi mới mô hình tổ chức quản trị Công ty và Tập đoàn phù hợp với Chiến lược phát triển của LASUCO và Chương trình Tái định vị thương hiệu LASUCO. Đó là, đã và đang thúc đẩy hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự, cơ chế cho hoạt động của các lĩnh vực thương mại, Nông nghiệp CNC, sản xuất các sản phẩm mới từ mía đường có giá trị gia tăng cao: thành lập Công ty TNHH XNK Thương mại Lam Sơn đi vào hoạt động từ ngày 1/7/2017; Hoàn thiện cơ chế chính sách, củng cố lại hoạt động và quản lý tại Công ty TNHH Trung tâm NC&PT NN Công nghệ cao Lam Sơn – Doanh nghiệp khoa học hạch toán độc lập từ ngày 1/7/2016; Xây dựng Đề án đổi mới tổ chức quản lý đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu gắn với Chính sách phát triển vùng nguyên liệu đến năm 2020 theo Thông báo số 135TB/ĐLS-HĐQT ngày 12/4/2017 của HĐQT theo hướng thúc đẩy thâm canh công nghệ cao, sản xuất lớn và cơ giới hóa đồng bộ.

Công ty tiếp tục đánh giá lại nguồn nhân lực, tinh giảm lực lượng lao động và có phương án bố trí hợp lý, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; Quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo, đào tạo lại và tăng cường nhân sự cho các ngành, lĩnh vực mới như thương mại XNK, tre luồng, sản phẩm từ mía đường, cạnh đường và sau đường...

Trong năm, Công ty đã thành lập lại, bổ sung lực lượng để triển khai các dự án mới theo kế hoạch và định hướng phát triển đến năm 2020; nâng cao tính chuyên nghiệp và trách nhiệm, giảm bớt các khâu, thủ tục rườm rà không đảm bảo hiệu quả: Dự án Làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn; Dự án Cây ăn quả, hoa... Công nghệ cao; Dự án Lúa gạo hữu cơ; Dự án Tre luồng; Dự án thương mại...

KẾ HOẠCH SXKD 2017/2018 VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Niên độ tài chính 2017/2018 - mốc đánh dấu quan trọng: là năm thứ hai của giai đoạn 5 năm nhiệm kỳ V (2016-2021) và năm đầu tiên thực hiện Chương trình tái định vị Thương hiệu LASUCO: xây dựng thương hiệu bán lẻ và chuỗi giá trị gia tăng từ nông nghiệp - công nghiệp - thương mại XNK, nâng cao năng lực cạnh của LASUCO trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất sản phẩm sạch, theo hướng hữu cơ "Vì chất lượng cuộc sống". Do vậy, thực hiện mục tiêu đề ra không những là nhiệm vụ của năm niên độ, mà còn là năm xây dựng thành công cơ sở để tăng tốc đạt mục tiêu Chiến lược đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025.

Mục tiêu và giải pháp niên độ 2017-2018 (1/7/2017-30/6/2018), cụ thể:

I. KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2017-2018

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NIÊN ĐỘ 2016/2017	KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2017/2018	SO SÁNH (%)
Tổng doanh thu (có VAT)	2.127.129	2.300.000	108,1
Doanh thu thuần	2.023.794	2.190.476	108,2
Lợi nhuận trước thuế	123.205	125.000	101,5
Cổ tức (%)	10	12%	120,0
Nộp ngân sách	82.200	85.000	103,4

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1- Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, ổn định.

- Thúc đẩy chăm sóc, phòng trừ sâu hại, tăng cường bón phân qua lá, các giải pháp thúc đẩy tăng chất lượng mía, phấn đấu vụ ép 2017/2018 sản lượng mía tăng 10% so với vụ trước. Tổ chức thu hoạch - vận chuyển đưa mía về nhà máy mía tươi, mía sạch.

- Đánh giá kết quả triển khai Dự án "Làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn" thông qua đánh giá Chương trình nhân giống nuôi cấy mô sạch bệnh; Đánh giá kết quả 500 ha mô hình thâm canh, cơ giới hóa đồng bộ vụ 2017-2018 và mô hình trồng gần 380 ha mía hè thu 2017 ngay sau khi kết thúc vụ ép. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình cơ giới hóa đồng bộ;

Tiếp tục thực hiện lộ trình mục tiêu và các giải pháp mang tầm chiến lược mà Dự án “Làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn” đã đề ra; Năm 2018-2019 mục tiêu phát triển bền vững, ổn định diện tích 13.000 ha, tập trung xây dựng 200 cánh đồng lớn với tổng diện tích từ 2.000 ha trở lên; Chuẩn bị tốt nguồn giống từ nuôi cấy mô, sạch bệnh đáp ứng tối thiểu 3.000 ha trồng mới; Phấn đấu năng suất bình quân tối thiểu 75 tấn/ha.

- Hướng dẫn kỹ thuật & ứng dụng các kỹ thuật canh tác hiện đại, phát triển cánh đồng mía lớn, tăng cường cơ giới hóa đồng bộ, đặc biệt là cày sâu và tưới nước, phát triển các bộ giống mía năng suất chất lượng cao, quy hoạch lại cơ cấu giống phù hợp, giảm giá thành sản xuất, phấn đấu lợi nhuận cho người nông dân đạt từ 40% thu nhập trở lên.

2- Giải pháp về kỹ thuật sản xuất - chế biến.

- Rà soát xét lại các chỉ tiêu, cường vị sản xuất, thay đổi cách quản lý thời gian ca kíp trong sản xuất để vụ 2017/2018 nâng cao năng suất lao động; Phân tách, hình thành Nhà máy sản xuất đường và Nhà máy điện – động lực hạch toán riêng, để nâng cao trách nhiệm, hiệu quả sản xuất...

- Tập trung công tác nghiên cứu và phát triển, tối ưu hiệu quả thông qua sản phẩm cạnh đường, sau đường và mở rộng chuỗi giá trị ngành đường, đa dạng hóa sản phẩm nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, phát triển sản phẩm Organic hoàn toàn tự nhiên, với hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao “vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe cộng đồng”.

- Tiếp tục nghiên cứu các đề tài cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả thiết thực cho Nhà máy, tối ưu hóa hiệu suất thu hồi, kiểm soát triệt để sử dụng năng lượng, tiết giảm tối đa hiệu suất tiêu hao hơi và điện trong sản xuất và tiêu dùng.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, vận hành theo hướng năng động, tự chủ, sáng tạo cho sản xuất, tiết giảm tối đa các tổn thất sản xuất... xây dựng và thực hiện cơ chế mua bán chỉ tiêu nội bộ gắn trách nhiệm với tiền lương, tiền thưởng của cá nhân và đơn vị.

3- Giải pháp về thương mại – thị trường và xuất nhập khẩu.

- Phát huy lợi thế dẫn đầu về công nghệ, sản phẩm chất lượng cao và ổn định, giữ vững thị trường trong nước, tiến tới mở rộng thị phần xuất khẩu, khẳng định năng lực cạnh tranh trong Ngành Mía Đường Việt Nam.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm. Đặc biệt, phấn đấu phát triển kênh bán lẻ trên tất cả các tỉnh thành của cả nước, chú trọng đối với các sản phẩm mới cạnh đường, sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu, tập trung vào công tác truyền thông và đẩy mạnh chiến dịch marketing, phát triển các dòng sản phẩm mới chế biến từ đường, gạo, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao...

4- Giải pháp tổ chức – quản lý điều hành.

- Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, thực thi quyết liệt, hành động “Tiết kiệm triệt để”, cắt giảm tối đa chi phí và các lãng phí trong hoạt động SXKD của Công ty. Nâng cao năng suất lao động ở tất cả các đơn vị, các công đoạn... phấn đấu hạ giá thành đường để đủ sức

cạnh tranh.

- Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường trong và ngoài nước.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, tập trung đào tạo nội bộ gia tăng năng suất lao động, đặc biệt chú trọng đào tạo cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn cho CBCNV, đào tạo các kỹ năng mềm như bán hàng, kỹ năng giám sát, kỹ năng chăm sóc khách hàng, quản lý cấp trung giúp CBCNV tự tin trong công việc, tăng năng lực xử lý để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phát huy sức mạnh nội lực, ứng dụng tối đa công nghệ sinh học trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Tạo ra các sản phẩm có giá trị, thân thiện và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm của khách hàng.

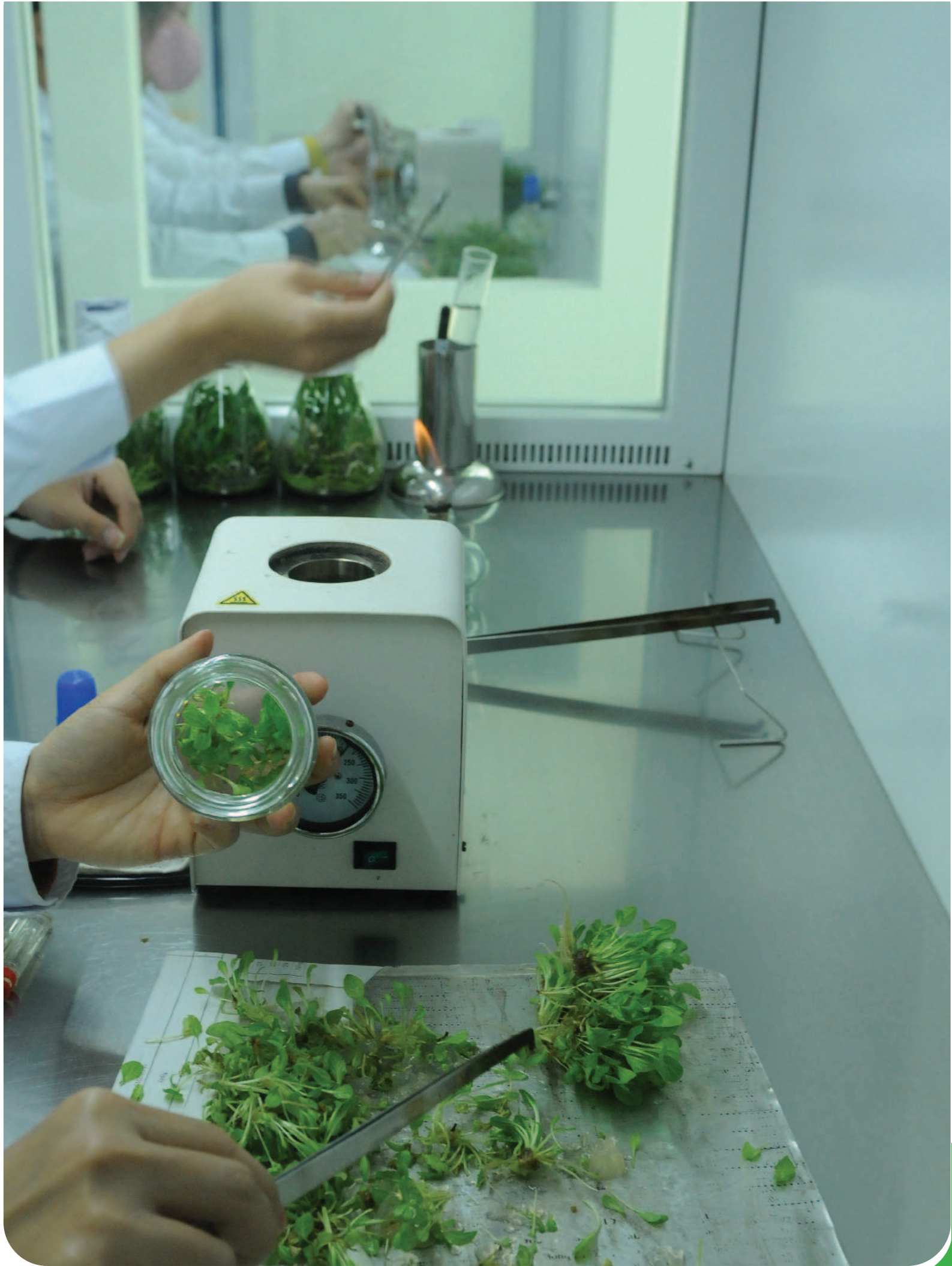
5- Tập trung cao mọi nguồn lực triển khai các Dự án đầu tư:

- Dự án công viên sinh thái tre luồng: Là dự án có nhiều tiềm năng, quy mô lớn đã được Chủ tịch UBND Tỉnh chấp thuận chủ trương, sẽ được đầu tư nhiều năm và mang lại giá trị; Tập trung đầu tư một số công trình tiến tới "Chào mừng kỷ niệm 600 năm cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn" vào năm 2018. Phối hợp với các huyện Thọ Xuân, Thường Xuân để tổ chức GPMB; Rà soát xét và tính toán các hệ thống giao thông, hệ thống điện và cấp điện, hệ thống cấp nước của tổng thể Dự án, tổ chức xây dựng các công trình, hạng mục theo tiến độ....

- Dự án Trung tâm chế biến nông sản thực phẩm Lam Sơn, Thiệu Hóa: Tập trung cao để hoàn thiện các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư với quy mô 9,63 ha; Chuẩn bị và xem xét các điều kiện về công nghệ và dây chuyền chế biến lúa gạo và sản xuất các sản phẩm từ lúa gạo có giá trị cao; Hợp tác với nông dân trên địa bàn để sản xuất giống siêu nguyên chủng và khoảng 2.000 ha lúa để có đủ nguyên liệu cho Nhà máy chế biến trong năm 2018.

- Tiếp tục nghiên cứu đánh giá thị trường, đánh giá vùng nguyên liệu, nghiên cứu công nghệ tiếp tục xúc tiến triển khai: Dự án Nhà máy tre ép khối tại Bá Thước; dự án Trầm Hương,...

Niên độ 2017/2018 đã đi qua được 1/4 chặng đường, trước những khó khăn thách thức lớn Ban điều hành, đội ngũ cán bộ quản lý luôn tập trung cao, bám sát chủ trương định hướng và chỉ đạo của HĐQT, cam kết sẽ triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiệm vụ và các giải pháp đã đề ra, quyết tâm nỗ lực hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kế hoạch đạt mức cao nhất.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN

ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Thực hiện trách nhiệm môi trường nước đối với xã hội:

1.1 Đối với môi trường khai thác nước mặt.

Công ty thực hiện giấy phép khai thác nước mặt số 149/GP-UBND ngày 29/04/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty CP mía đường Lam Sơn đã triển khai khai thác đúng mục đích, nguồn nước, vị trí công trình, lượng nước, phương thức khai thác và sử dụng. Đảm bảo nguồn nước khai thác được bảo vệ, sử dụng trong giới hạn cho phép, đúng mục đích, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm. Công ty lập sổ theo dõi quá trình khai thác và diễn biến nguồn nước, báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình khai thác và diễn biến nguồn nước, lưu lượng nước. Hàng năm Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý về tài nguyên nước cấp trong quá trình khai thác và nộp lệ phí mua nước hàng quý cho cơ quan nhà nước.

Nguồn nước khai thác, sử dụng: Sông Nông Giang thuộc hệ thống Thủy nông sông Chu. Để tiến hành khai thác Công ty thủy nông sông Chu lắp đặt hệ thống đo lưu lượng và tính toán chốt công tơ theo hàng quý đối với Công ty.

Nguồn nước khai thác được sử dụng vào sản xuất Đường, tươi mía giống và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong Công ty.

Lượng nước sử dụng:

- * Lưu lượng lấy nước trung bình: 0,1041 m³/s
- * Lưu lượng lấy nước lớn nhất: 0,111m³/s.
- * Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong ngày: 4.500m³/ngày.
- * Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất theo năm: 900.000m³.

Chất lượng nguồn nước: Do hệ thống sông Nông Giang chủ yếu làm nhiệm vụ tưới nên chế độ thủy văn (mức nước, lưu lượng nước) phụ thuộc vào sự điều tiết của trạm thủy nông Bái Thượng cho nhu cầu sử dụng nước ở hạ lưu. Nguồn nước sau khi đưa về Công ty phải được xử lý qua hệ xử lý mới được đưa vào dây chuyền sản xuất.

1.2 Đối với môi trường nước thải: Thực hiện giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 156/GP-UBND ngày 20/4/2016. Thời hạn của giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp phép.

Vị trí xả thải: Nằm trong khu đất của Công ty tại khu 6, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 30) như sau:

- + Cửa xả số 1: X = 2201986(m), Y = 0542025 (m)
- + Cửa xả số 2: X = 2200891(m), Y = 0542308 (m)
- + Cửa xả số 3: X = 2200823(m), Y = 0542133 (m)

2. Các giải pháp tiết kiệm năng lượng và giảm sử dụng nguồn nước:

2.1. Triển khai dự án “Đồng phát nhiệt điện sử dụng nhiên liệu bã mía”

Bã mía trong quá trình sản xuất đường, lượng bã mía thải ra hàng ngày là rất lớn. Nếu lượng chất thải này không được xử lý, thải ra môi trường sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Trong quá trình phân hủy, bã mía tạo thành các khí CH₄, CO₂, NH₃ và hơi nước. Đây là các khí có khả năng gây hiệu ứng nhà kính, làm tăng nhiệt độ của trái đất. Về bản chất hóa học, bã mía có thành phần chủ yếu là xenlulô, có tỷ lệ C – H – O cao; bên cạnh đó, nhiệt trị của bã mía tương đối cao. Sử dụng bã mía làm nhiên liệu cho lò hơi, phát nhiệt điện đã giải quyết được nhiều vấn đề:

- **Về mặt môi trường:** việc không thải bã mía ra môi trường hạn chế vấn đề ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Công ty không phải sử dụng nhiên liệu cho nhiệt điện, cấp năng lượng cho chế biến đường, ít gây ô nhiễm môi trường không khí.
- **Về tài nguyên:** Tận dụng, tái tạo chất thải làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.
- **Về kinh tế:** Giảm được chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi phí điện năng cho sản xuất, thu được lợi nhuận từ việc bán điện. Chủ động được nguồn điện năng, hạn chế tác động do mất điện không ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.
- **Về mặt xã hội:** Người dân không phàn nàn về tình trạng ô nhiễm môi trường do tác động của chất thải rắn trong sản xuất đường.
- Vì vậy Công ty tiến hành lập dự án sử dụng bã mía sau sản xuất đường làm nhiên liệu sạch phát điện, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất của nhà máy và một phần cung cấp cho điện lưới quốc gia.

2.2. Giải pháp “Tái sử dụng nước thải sau khi xử lý”

* **Thực trạng của Công ty:**

Nguồn nước cấp dùng trong công nghệ chế luyện đường, nước thải ra được phân thành 2 nguồn chính.

- Nguồn thải sau khi thu gom, lắng thải ra mương thoát nước phía Nam- nguồn nước này được thải ra môi trường trong vụ ép từ giữa tháng 11 năm này đến giữa tháng 4 năm sau, với lưu lượng 816m³/ngày đêm. Nguồn nước này có chỉ số ô nhiễm giới hạn không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9 và K_f = 1,1) bao gồm các nguồn nước: nước ngưng, nước tạo chân không, nước làm mát máy....

- Nguồn nước lưu lại để xử lý trong hệ thống xử lý của nhà máy là 900m³/ngày đêm, có chỉ số ô nhiễm cao, giá trị COD >75mg/l, được lưu lại để xử lý trong hệ thống xử lý hiện có do Công ty AQUA CHEMICAL MFG LTD Ấn Độ thiết kế về xây dựng, sau đó được xử lý tiếp trong 5 hồ sinh học (với tổng diện tích 46.830m², tương đương 243.459,5m³).

* **Mục tiêu của phương án:**

- + Nhằm tiết kiệm nước sử dụng trong chế luyện đường,
- + Giảm chi phí chi trả tiền nước trong việc khai thác nước mặt tại kênh Nông Giang.

- + Giảm thiểu được lượng nước thải ra môi trường.
- + Làm chậm quá trình suy kiệt trữ lượng và chất lượng nguồn tài nguyên nước.
- + Giảm chi phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.
- + Góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá này, góp phần bảo vệ sự sống của con người và mọi sinh vật trên trái đất.

*** Kết quả đạt được:**

- Nước thải trong các hồ sinh học theo tự nhiên sẽ tự phân hủy, theo định kỳ Công ty báo cáo đến cơ quan chức năng là Sở tài nguyên môi trường kiểm tra, quan trắc mẫu nước trong hồ thì cơ bản đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT và được cấp quyết định xả thải các hồ sinh học được phép bơm ra môi trường.

- Thời gian trong vụ sản xuất bơm với lưu lượng nước vào trong Công ty là 2.000 – 2.500m³/ ngày.

- Ngoài vụ sản xuất bơm vào phục vụ công tác vệ sinh nhà xưởng, thiết bị với lưu lượng 80-100m³/ngày.

+ Với thời gian sản xuất 150 ngày/ năm sẽ tiết kiệm được 300.000-375.000m³ nước.

+ Thời gian ngoài vụ khoảng 200 ngày sẽ tiết kiệm được 16.000-20.000m³ nước.

Tỷ lệ nước tái sử dụng là: 80% lượng nước thải được tái sử dụng quay lại phục vụ cho sản xuất.

Tổng lượng nước tiết kiệm được là 316.000 - 395.000m³

Với giá nước hiện tại Công ty đang phải chi trả cho Công ty thủy nông Sông Chu tính theo đồng hồ đo lưu lượng là 950 đồng/1 m³ nước, hàng năm Công ty sẽ tiết kiệm được trên 3 tỷ đồng chi phí sử dụng nước. Bên cạnh đó giảm chi phí tiêu hao điện năng, giảm khấu hao thiết bị để vận hành hệ thống bơm nước nguồn từ sông về Công ty và chi phí bơm nước xả thải từ các hồ sinh học ra môi trường sau khi xử lý.

Với hiệu quả và lợi ích của phương án mang lại trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục cải tiến quá trình thu hồi và xử lý nước thải từ sản xuất, tái sử dụng nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng nguồn nước tự nhiên và tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

3. Đánh giá các chỉ tiêu về phát thải:

3.1 Đối với nước thải:

- Nước thải làm mát thiết bị bao gồm:

+ **Nước thải từ các tháp ngưng tụ:** Tính chất đặc thù của loại nước này là nhiệt độ cao hơn nhiệt độ môi trường nên trong nước mật độ ôxy hòa tan cao, ngoài ra còn có lẫn đường và khí hòa tan như CO₂. Loại nước này được thu hồi để tuần hoàn lại hệ thống tạo chân không và sử dụng lại sản xuất.

Nhà máy hiện tại có hệ thống bốc hơi cưỡng bức để làm nguội và tuần hoàn 90% lượng nước cần thiết.

+ **Nước ngưng:** Nước này thu được từ quá trình trao đổi nhiệt bằng hơi nước xảy ra trong quá trình trao đổi nhiệt, nổi cô đặc và tháp chưng luyện trong sản xuất. Đặc điểm của loại nước này là sạch và mềm, nhưng nhiệt độ cao 90oC.

+ **Nước làm nguội máy:** Nước dùng để làm nguội máy như tuabin, khớp nối, máy nén, động cơ và bơm. Đặc tính của loại nước này có nhiễm dầu mỡ. Phần lớn nước này được thu hồi tái sử dụng để quay lại làm mát thiết bị.

- Nước thải vệ sinh trong sản xuất:

+ Nước thải vệ sinh các thiết bị thùng chứa, bốc hơi, gia nhiệt; Nước thải do vệ sinh các nồi nấu; Nước thải vệ sinh các thiết bị lắng và vệ sinh nhà xưởng. Có độ ô nhiễm COD = 75-2.500mg/l, BOD = 1.200mg/l, SS = 1.200-1.500mg/l đưa vào hệ thống xử lý hóa lý kết hợp sinh học. Nước thải sau khi xử lý đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp COD < 75mg/l (cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,1) bao gồm các nguồn nước: nước ngưng, nước tạo chân không, nước làm mát máy....

3.2 Đối với khí thải: Các nguồn phát sinh khí thải bao gồm:

- Việc quản lý và thực hiện bảo vệ môi trường không khí. Nguồn để gây ô nhiễm môi trường không khí của Công ty Đường Lam sơn chủ yếu là từ các ống khói của lò hơi. Do đặc thù của ngành sản xuất mía đường nguyên liệu dùng để đốt lò hơi là từ bã mía nên khi đốt lò hơi chất gây ô nhiễm cho môi trường không khí chủ yếu là các tro bụi và khí CO₂.

- Toàn bộ các thống ống khói lò hơi đã được công ty lắp đặt hệ thống thu hồi bụi ướt bằng Xyclon đối với nhà máy đường số 1 và hệ thống lọc tro bụi và xử lý khí thải bằng tĩnh điện đối với nhà máy đường số 2 để thu hồi toàn bộ tro lò cùng với bùn lọc trong khâu sản xuất mang đi sản xuất phân bón vi sinh để bón cho mía.

- CO₂ từ ống khói thải ra đã được thu hồi lại một phần để dùng trong công nghệ tinh luyện làm trắng đường.

Hàng tháng công ty đã thuê các đơn vị có chức năng tổ chức tiến hành đo đạc, kiểm tra nồng độ bụi, các chất độc hại, độ ồn ở các đơn vị sản xuất để có biện pháp xử lý kịp thời

3.3 Đối với chất rắn và chất thải nguy hại:

Do đặc thù của ngành sản xuất mía đường chất thải rắn chủ yếu là bã mía và cặn bùn lắng, 2 loại chất thải này được Công ty dùng làm nguyên liệu đốt lò hơi và mang đi làm phân bón. Đối với chất rắn và rác thải nguy hại Công ty đã cho tiến hành các biện pháp sau:

- Phân loại rác thải tại nguồn; Tái sử dụng - phế bỏ, độc hại - không độc hại,....

- Tăng khả năng thu gom vận chuyển rác thải: Tăng cường và đổi mới thiết bị. Xây dựng bãi thu gom phân loại chất thải nguy hại đóng bao bảo quản và hàng năm hợp đồng với Công ty Lilama xử lý chất thải nguy hại của Công ty.

- Xử lý tại chỗ các chất thải sinh hoạt; Tận thu các rác thải, bùn thải, bã mía có khả năng tái sinh hoặc sử dụng làm nguyên liệu cho nhà máy làm phân bón.

- Hiện đại hóa công nghệ theo hướng giảm phát sinh chất thải rắn. Tận dụng tối đa chất thải rắn có khả năng tái chế thành các sản phẩm phụ. Thực hiện kiểm tra chất lượng, vệ sinh môi trường định kỳ, kèm theo chế độ thưởng phạt nghiêm minh. Quản lý việc xây dựng, cải tạo theo đúng quy hoạch.

4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

4.1 Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Trong năm 2016 - 2017 công ty không vi phạm về luật bảo vệ môi trường, luôn tuân thủ các quy định và quy chế về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

4.2 Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và quy định về bảo vệ môi trường

- Không bị phạt



BÁO CÁO

LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

“**Hợp tác phát triển bền vững vì cộng đồng**” là Văn hóa - là Sứ mệnh của Lasco trong suốt quá trình xây dựng và phát triển. Năm 2016 - 2017 Công ty tiếp tục quan tâm vừa hợp tác chặt chẽ với các địa phương và nông dân đến phát triển kinh tế “**cùng nông dân làm giàu**” vừa gắn với các hoạt động xã hội, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học - khuyến tài... với tổng kinh phí trên 1 tỷ đồng và nhiều hoạt động thiết thực khác





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

04

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty,
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

HOẠT ĐỘNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2016 - 2017

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2016-2017

1. Các phiên họp HĐQT, các quyết định của HĐQT

Năm tài chính 2016-2017, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ mỗi quý một lần (vào các ngày 9/10/2016; 10/1/2016; 12/4/2017 và 14/7/2017) và các phiên bất thường để triển khai NQĐHĐCĐ. Tại các kỳ họp các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Nội dung các phiên họp định kỳ: đánh giá kết quả thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên và NQHĐQT quý trước, đồng thời xác định kế hoạch, nhiệm vụ, của quý tới.

Trong năm HĐQT đã ban hành 19 nghị quyết. Trong đó, có 4 NQ kỳ họp định kỳ, một Nghị quyết bầu các chức danh trong HĐQT, Thư ký HĐQT ngay sau Đại hội ĐCĐ thường niên 2016-2017 và các nghị quyết giữa hai kỳ họp liên quan đến:

Bàn giao vốn và tài sản cho Công ty Công nghệ cao hoạt động độc lập từ 1/7/2016; Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017; Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2016-2017; Chốt danh sách cổ đông ĐHĐCĐ chi trả cổ tức 2015-2016; Lựa chọn Công ty kiểm toán; Thanh lý TSCĐ; Đầu tư máy móc thiết bị cho Chương trình cơ giới hóa đồng bộ vùng mía đường Lam Sơn; Việc hạn mức tín dụng và bảo lãnh vay nợ ngân hàng; Việc thanh lý một số khoản đầu tư tài chính và cơ cấu lại vốn đầu tư tại công ty có vốn đầu tư của LASUCO; Thành lập Công ty TNHH 1 thành viên Thương mại và XNK Lam Sơn.

Thực hiện NQ ĐHĐCĐ, HĐQT tập trung chỉ đạo cùng Ban điều hành và các cán bộ quản lý tập trung cao cho vụ sản xuất mía đường 2016-2017; củng cố hoạt động của Công ty Công nghệ cao; Triển khai quyết liệt các giải pháp “Dự án Làm mới lại cây mía Lam Sơn”, Ban hành chính sách đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu đến năm 2020 theo Thông báo số 135



TB-ĐLS/HĐQT; Chương trình nhân giống nuôi cấy mô sạch bệnh đã đạt được thành công với 2 giống mía chủ lực LS1, LS2 có năng suất và chất lượng cao phù hợp với vùng mía đường Lam Sơn, vụ 2017-2018 đã triển khai 500 ha mô hình thâm canh tăng năng suất bằng giống NCM sạch bệnh, thâm canh công nghệ cao và cơ giới hóa đồng bộ tại các địa phương; Đồng thời Trồng 380 ha giống mía hè thu năm 2017, đảm bảo giống trồng 3000 ha vụ 2018-2019.

Khả thi thực hiện mục tiêu đến 2020 phủ 100% bằng giống NCM sạch bệnh; Triển khai bước đầu 200 ha mía hữu cơ; Tiếp tục triển khai các dự án mới NNCNC, Lúa gạo, Tre luồng; Chỉ đạo sát sao công tác thương mại tập trung trọng tâm xây dựng mạng lưới bán lẻ trong toàn quốc; Tiếp tục quan tâm quan hệ đối ngoại, gắn kết với lực lượng mới, liên kết phát triển, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực; Thúc đẩy, giám sát và hỗ trợ ban điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016-2017 theo NQĐHĐCĐ; Định hướng mục tiêu kế hoạch 2017-2018 và mục tiêu chiến lược phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn 2025.

2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Ưu điểm: Trong quá trình tổ chức điều hành, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã bám sát NQ ĐHĐCĐ, NQ HĐQT và các chính sách của Công ty đã có nhiều cố gắng và nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm tài chính 2016-2017, đồng thời triển khai tích cực Dự án làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn, Dự án lúa gạo, tre luồng; Triển khai tốt công tác chăm sóc mía và trồng mới vụ 2017-2018, đặc biệt các mô hình thâm canh công nghệ cao và cơ giới hóa đồng bộ; Triển khai quyết liệt công tác thương mại thị trường đặc biệt hệ thống bán lẻ.



Nhược điểm, hạn chế: sản lượng và diện tích vùng nguyên liệu vụ 2016-2017 bị sụt giảm, công tác an ninh vùng mía bộc lộ hạn chế; Công tác triển khai một số dự án mới chưa theo kịp kế hoạch, mục tiêu, yêu cầu của HĐQT.

3. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS

Tổng chi phí 4.241.530.506 đồng chiếm 0,2% doanh thu. Trong đó: tiền lương của HĐQT và BKS là 2.038.890.937 đồng; Khấu hao TSCĐ 720.820.090 đồng; Thù lao 844.000.000 đồng (Chủ tịch 15 triệu đồng/tháng; Phó Chủ tịch và Trưởng BKS 10 triệu/tháng, thành viên

HĐQT 8 triệu đ/tháng và thành viên BKS 5 triệu đồng/tháng); Chi phí đi công tác 101.453.771 đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài: 223.405.681 đồng; Chi phí khác: 312.960.027 đồng.

So với định mức ĐHĐCĐ giao mức 0,4% doanh thu có VAT thì chi phí hoạt động của HĐQT và BKS chỉ ở mức 0,2% doanh thu.

II. CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2017-2018

Năm 2017-2018, HĐQT tập trung chỉ đạo thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên 2017-2018, tập trung hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm (tập trung cao độ cho vụ sản xuất 2017-2018, gắn với trồng mới và chăm sóc vụ 2018-2019) đạt hiệu quả, tiếp tục triển khai quyết liệt dự án **“Làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn”** theo lộ trình; Công bố, quảng bá và phát triển bộ nhận diện thương hiệu mới LASUCO và Tập đoàn; Tập trung triển khai vững chắc hệ thống & mạng lưới bán lẻ sản phẩm của LASUCO và Tập đoàn; Triển khai tích cực các dự án mới sản phẩm mới theo kế hoạch.

Căn cứ quy định Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, các phiên họp định kỳ của HĐQT giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ năm tài chính 2017-2018 sẽ bao gồm:

Phiên họp Quý IV/2017, dự kiến từ 10-15/1/2018: HĐQT đã đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV và 6 tháng đầu năm tài chính 2017-2018, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp Quý III và 6 tháng cuối năm tài chính.

Phiên họp Quý I/2018, dự kiến từ 10-15 tháng 4/2018: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý III và 9 tháng đầu năm tài chính, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp Quý IV và một số định hướng cho năm tài chính tiếp theo.

Phiên họp Quý II/2018, dự kiến từ 10-15/7/2018: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV và năm tài chính 2017-2018, thông qua kế hoạch SXKD năm tài chính 2018-2019 và nhiệm vụ Quý I năm tài chính, thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018-2019.

Phiên họp Quý III/ 2018, dự kiến từ 7-10/10/2018: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý I năm tài chính 2018-2019, xác định nhiệm vụ Quý II năm tài chính, thông qua tài liệu và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018-2019.





THÔNG TIN
CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

04

Hội đồng quản trị | Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HOẠT ĐỘNG

BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2016 - 2017

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên được kiện toàn lại tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016/2017 ngày 19/10/2016 trong đó: 2 thành viên hoạt động chuyên trách, 1 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Ngay sau đại hội, ngày 20/10/2016 Ban kiểm soát đã tiến hành họp phiên thứ nhất với sự tham gia chứng kiến của các thành viên HĐQT đã thực hiện bầu Trưởng Ban; xây dựng kế hoạch công tác cho cả nhiệm kỳ, kế hoạch công tác cho năm tài chính 2016/2017 và phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban. Tổ chức 04 phiên họp định kỳ với nội dung: Đánh giá công tác kiểm soát trong quý; Thông qua các báo cáo kiểm tra theo chuyên đề đã thực hiện trong quý, Báo cáo của Ban kiểm soát tại kỳ họp HĐQT hàng quý; Và xây dựng kế hoạch của BKS cho quý tiếp theo. Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban kiểm soát và các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty.

Trong năm, BKS đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình một cách độc lập vì lợi ích của các cổ đông, lợi ích của Công ty.

- Được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ công tác.

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện cung cấp thông tin, kế hoạch công việc để Ban kiểm soát tổ chức thực hiện giám sát có hiệu quả tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và các quy chế, quy định nội bộ.

- Đối với cổ đông: Đến thời điểm báo cáo ngày 30/06/2017, Ban kiểm soát không nhận bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động của Công ty.

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Ban điều hành và một số đơn vị thành viên liên quan đến việc thực hiện kế hoạch SXKD.

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng quý; Thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính 6 tháng, năm xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán Báo cáo tài chính.

Xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập và đưa ra các kiến nghị của mình trước khi báo cáo kiểm toán được ban hành; Ban kiểm soát đồng thời giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra; từ đó đề xuất giải pháp khắc phục.

Ban kiểm soát ghi nhận chưa thấy có dấu hiệu vi phạm trong quản lý tài chính và hạch toán kết quả SXKD của đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT. Tại các kỳ họp, Ban kiểm soát đều có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát trong quý, đưa ra các kiến nghị đề xuất trong quản trị, điều hành. Đồng thời đưa ra kế hoạch kiểm soát quý tiếp theo.

Tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, định hướng và các dự án đầu tư của

Công ty khi được yêu cầu. Tham dự một số buổi làm việc của HĐQT nhằm xây dựng chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh trong năm cho LASUCO và các đơn vị thành viên.

Về công tác giám sát quản lý và điều hành Công ty:

+ ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Năm 2016/2017, HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên đề ra:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng; chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, ban hành các chủ trương, giải pháp và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, bền vững; tiêu thụ sản phẩm đường và các sản phẩm khác.

- HĐQT đã tích cực chỉ đạo, sâu sát trong việc quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Trong công tác quản trị doanh nghiệp HĐQT luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến.

- Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên cho năm tài chính 2016/2017.

+ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- **Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:** Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch được giao khoán với các chỉ tiêu cụ thể đến từng đơn vị, bộ phận, tổ sản xuất. Tăng cường ý thức và trách nhiệm đến từng người lao động. Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu quan trọng: sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức... theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường chuyển đổi năm tài chính 2015 thông qua và đạt mức tăng trưởng cao so kỳ kế toán 6 tháng năm 2015.

- **Công tác tài chính:** Quản lý chặt chẽ công nợ, cơ cấu lại và giảm các khoản vay ngắn hạn, đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

- **Về công tác tổ chức và nhân sự:** Ban điều hành tiếp tục thực hiện giải pháp sắp xếp cơ cấu lao động ở các khu vực sản xuất nhằm ổn định nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông Công ty :

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của Cổ đông; sự phối hợp cộng tác tích cực của HĐQT và BĐH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Ban kiểm soát tôn trọng quyền và lợi ích của cổ đông, sẵn sàng hợp tác và đồng hành với cổ đông để làm rõ các vấn đề khi xét thấy cần thiết.

- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của HĐQT, BĐH đã được cung cấp kịp thời cho Ban kiểm soát. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận thông tin và hoạt động của Công ty. Phần lớn các ý kiến đóng góp của BKS đã được HĐQT và Ban điều hành ghi nhận và tiếp thu.

Kế hoạch hoạt động năm tài chính 2017-2018

Năm 2017/2018, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì công tác kiểm soát thường xuyên với mục tiêu là giám sát tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính của Công ty; giám sát hoạt động quản trị và điều hành; phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban điều hành và Cổ đông. Trên cơ sở đó, BKS tập trung vào một số công việc trọng yếu sau:

1. Tham gia xây dựng chính sách của Công ty và các văn bản lập quy của đơn vị.
2. Kiểm soát tuân thủ pháp luật, chủ trương, chính sách của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động này tuân thủ quy định và kịp thời nhận diện, phát hiện những rủi ro mang tính trọng yếu.
3. Kiểm tra thường xuyên hoạt động tại các đơn vị trực thuộc và các công ty thành viên nhằm đảm bảo quản lý tốt nguồn vốn và tài sản.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

HỌ TÊN	LƯƠNG		THÙ LAO		TỔNG CỘNG	
	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)
Hội đồng quản trị		1.651.783.384		604.000.000		2.255.783.384
Ông Lê Văn Tam	84%	939.055.762	16%	180.000.000	100%	1.119.055.762
Ông Lê Trung Thành	79%	309.424.902	21%	80.000.000	100%	389.424.902
Bà Lê Thị Tiến	77%	403.302.721	23%	120.000.000	100%	523.302.721
Lê Văn Tiến			100%	64.000.000	100%	64.000.000
Ông Phùng Thanh Hải			100%	96.000.000	100%	96.000.000
Ông Lê Đình Trường			100%	32.000.000	100%	32.000.000
Ông Lê Trọng Bài			100%	32.000.000	100%	32.000.000
Ban kiểm soát		387.107.553		240.000.000		627.107.553
Lê Văn Quang	63%	67.550.323	37%	40.000.000	100%	107.550.323
Đỗ Thị Thanh Hà	69%	177.513.391	31%	80.000.000	100%	257.513.391
Đỗ Văn Mạnh	70%	142.043.839	30%	60.000.000	100%	202.043.839
Lê Thị Tinh			100%	60.000.000	100%	60.000.000
Tổng cộng		2.038.890.937		844.000.000		2.882.890.937

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

CỦA HĐQT, BKS NĂM 2016-2017

STT	KHOẢN MỤC	TH 6 tháng đầu năm 2015	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017
I	Chi phí HĐQT, BKS			
1	Lương và các khoản có tính chất lương	962.067.084	1.664.336.478	2.124.763.308
-	Tiền lương và các khoản có tính chất lương	962.067.084	1.664.336.478	2.124.763.308
2	Chi phí vật liệu quản lý	35.394.779	82.028.071	26.158.094
3	Chi phí đồ dùng văn phòng, BHLĐ	18.856.581	14.523.264	2.275.000
4	Khấu hao TSCĐ quản lý	360.410.045	720.820.090	720.820.090
5	Thuế, phí và lệ phí			
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.995.834	217.459.709	223.405.681
-	Điện thoại, Internet	19.187.371	60.538.701	20.477.416
-	Báo chí, tem thư			
-	Xăng dầu xe con công tác	84.086.463	106.805.008	128.312.565
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ	177.722.000	50.116.000	74.615.700
7	Chi phí quản lý bằng tiền khác	501.619.269	1.583.357.060	1.144.108.333
-	Chi phí hội nghị, hội thảo	-	-	70.050.000
-	Chi phí tiếp khách, giao dịch	15.828.295	46.227.900	67.104.562
-	Chi phí công tác	54.490.974	653.129.160	101.453.771
-	Kinh phí đào tạo, nghiên cứu khoa học			
-	Chi phí thù lao HĐQT, BKS	414.000.000	828.000.000	844.000.000
-	Chi phí hợp HĐQT	17.300.000	56.000.000	61.500.000
-	Chi phí khác			
	Tổng cộng	2.159.343.592	4.282.524.672	4.241.530.506
	Doanh thu có VAT	704.476.449.260	1.897.547.564.307	2.127.129.240.958
II	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ			
-	Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát (0.4% Doanh thu có VAT)	2.817.905.797	7.590.190.257	8.508.516.964
II	Tiết kiệm chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát	658.562.205	3.307.665.585	4.266.986.458

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	1.836.580	2.62%	2.066.930	2.95%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
2	Lê Văn Tiến	Con trai Chủ tịch HĐQT	50.622	0.07%	1.688.962	2.41%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
3	Lê Thị Phương Thảo	Con gái Phó CTHĐQT	0	0%	525.000	0.75%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
4	Công ty cổ phần vận tải Lam Sơn	Tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT	1.638.590	2.34%	0	0%	Giảm do bán ra thị trường
5	Lê Thị Sơn	Mẹ đẻ PTGD	8.380	0.011%	0	0%	Giảm do bán ra thị trường

3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

Trong năm không có HĐ hoặc giao dịch mua cổ phiếu nào với cổ đông nội bộ





gìn giữ sự sống,
nuôi dưỡng tương lai



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 05

Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của công ty mẹ
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên	
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

Số tham chiếu: 61060845/19019183

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 9 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

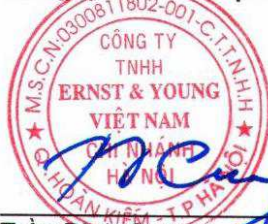
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề cần nhấn mạnh

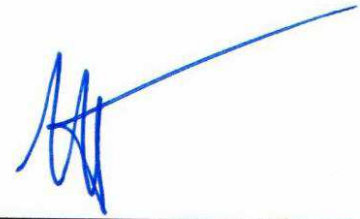
Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 15 tháng 9 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		906.512.804.534	932.435.161.773
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	50.996.174.107	21.642.694.837
111	1. Tiền		4.868.174.107	21.642.694.837
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.128.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		69.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	69.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		354.892.383.923	374.163.475.042
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	90.625.018.821	104.552.343.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	204.443.474.753	186.008.276.343
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	28.109.348.242	69.315.831.243
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	45.336.004.289	21.489.345.134
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(13.621.462.182)	(7.202.320.765)
140	IV. Hàng tồn kho	9	430.789.870.969	535.870.922.152
141	1. Hàng tồn kho		431.353.443.473	535.870.922.152
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(563.572.504)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		834.375.535	758.069.742
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		834.375.535	758.069.742

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.503.927.465.317	1.588.106.014.917
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.457.045.363	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	17.457.045.363	-
220	II. Tài sản cố định		1.165.281.886.146	1.370.010.392.871
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.133.699.392.018	1.352.115.090.143
222	Nguyên giá		2.522.183.917.190	2.623.398.045.761
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.388.484.525.172)	(1.271.282.955.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	31.582.494.128	17.895.302.728
228	Nguyên giá		41.382.857.235	27.162.779.249
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.800.363.107)	(9.267.476.521)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		27.591.395.208	57.909.347.582
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	27.591.395.208	57.909.347.582
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	258.789.703.362	123.181.921.223
251	1. Đầu tư vào công ty con		233.506.593.886	94.506.593.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	47.033.790.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.468.036.324)	(33.609.608.463)
260	V. Tài sản dài hạn khác		34.807.435.238	37.004.353.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	34.807.435.238	34.312.891.200
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	2.691.462.041
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.410.440.269.851	2.520.541.176.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		793.426.597.033	920.003.773.532
310	I. Nợ ngắn hạn		713.422.462.082	788.619.680.194
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	54.582.630.709	57.053.332.078
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	7.146.814.600	101.095.446.250
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	9.785.605.291	6.600.756.027
314	4. Phải trả người lao động		3.993.656.147	6.321.754.336
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.530.040.935	16.991.123.468
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	9.812.885.590	10.813.025.694
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	598.325.827.438	568.172.817.788
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	27.245.001.372	21.571.424.553
330	II. Nợ dài hạn		80.004.134.951	131.384.093.338
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	9.808.905.093	16.720.591.150
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.000.000.000	56.830.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	68.195.229.858	57.833.502.188
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.617.013.672.818	1.600.537.403.158
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.577.381.593.742	1.556.556.598.749
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		562.164.076.532	551.866.229.432
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.041.105.426	124.513.957.533
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		31.668.506.997	37.342.180.229
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		103.372.598.429	87.171.777.304
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		39.632.079.076	43.980.804.409
431	1. Nguồn kinh phí	23.1	2.219.567.653	3.909.335.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.2	37.412.511.423	40.071.468.816
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.410.440.269.851	2.520.541.176.690

Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.025.652.396.466	1.804.721.265.048
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	1.858.056.565	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	2.023.794.339.901	1.804.721.265.048
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	1.785.682.875.809	1.570.750.637.039
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		238.111.464.092	233.970.628.009
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	10.168.511.887	15.830.464.886
22	7. Chi phí tài chính	27	28.963.772.689	45.484.947.083
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.472.504.140	37.173.284.811
25	8. Chi phí bán hàng	28	26.585.260.925	39.798.122.051
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	65.266.107.914	54.694.200.027
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		127.464.834.451	109.823.823.734
31	11. Thu nhập khác		1.781.007.699	1.101.747.957
32	12. Chi phí khác		6.040.530.014	8.156.577.926
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]		(4.259.522.315)	(7.054.829.969)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		123.205.312.136	102.768.993.765
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	19.832.713.707	13.597.216.461
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		103.372.598.429	89.171.777.304

Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		123.205.312.136	102.768.993.765
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		140.118.822.051	133.332.974.522
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		(158.858.218)	5.771.187.280
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		181.967.595	132.163.487
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.394.886.648)	(7.887.193.599)
06	Chi phí lãi vay	27	35.472.504.140	37.173.284.811
07	Các khoản điều chỉnh khác		14.000.000.000	6.000.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		301.424.861.056	277.291.410.266
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(3.949.625.047)	192.651.651.715
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		101.888.350.088	(160.949.478.480)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(102.326.822.961)	26.716.019.985
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(24.823.804.016)	5.686.230.145
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.422.295.686)	(36.653.620.072)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(15.417.970.744)	(13.257.818.588)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.585.160.000	4.596.550.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.287.253.341)	(7.006.097.278)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		211.670.599.349	289.074.847.693
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(43.573.628.815)	(158.474.643.670)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.136.558.150	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(203.230.647.997)	(69.500.637.783)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		141.840.483.001	80.051.774.400
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(128.641.895.074)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.890.500.000	97.390.401.300
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.296.605.932	15.417.811.812
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(87.640.129.729)	(163.757.189.015)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.292.080.455.895	1.187.276.598.973
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.316.757.446.245)	(1.296.377.490.479)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(70.000.000.000)	(10.132.725.976)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(94.676.990.350)	(119.233.617.482)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		29.353.479.270	6.084.041.196
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.642.694.837	15.558.653.641
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	50.996.174.107	21.642.694.837

Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên	
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số tham chiếu: 61060845/19019183 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 15 tháng 9 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

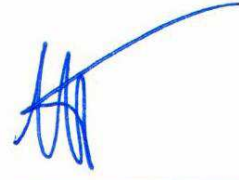
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.093.332.804.390	1.101.425.586.818
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	81.172.629.111	44.371.716.087
111	1. Tiền		15.225.396.667	31.828.382.787
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.947.232.444	12.543.333.300
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		77.169.623.717	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	77.169.623.717	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		378.305.408.552	342.294.517.131
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	115.829.678.321	130.541.241.046
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	208.074.329.224	142.930.606.127
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	40.734.329.244	56.451.095.570
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	36.834.678.327	29.291.340.093
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(23.167.606.564)	(16.919.765.705)
140	IV. Hàng tồn kho	9	551.943.613.290	708.243.599.122
141	1. Hàng tồn kho		555.271.566.604	711.007.979.932
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.327.953.314)	(2.764.380.810)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.741.529.720	3.515.754.478
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.486.394.044	1.380.858.350
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		255.135.676	2.134.896.128

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.514.838.040.144	1.603.075.277.270
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.936.979.236	5.342.339.237
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.815.401.544	4.092.401.544
216	2. Phải thu dài hạn khác		1.144.077.692	1.272.437.693
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	II. Tài sản cố định		1.368.800.443.655	1.432.502.030.190
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.331.654.602.080	1.408.839.135.742
222	Nguyên giá		3.065.916.968.131	2.979.265.124.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.734.262.366.051)	(1.570.425.988.517)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.145.841.575	23.662.894.448
228	Nguyên giá		47.903.559.576	33.683.481.590
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.757.718.001)	(10.020.587.142)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		46.580.118.559	72.590.808.031
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	46.580.118.559	72.590.808.031
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	30.639.388.207	33.789.547.388
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		15.388.242.407	18.538.401.588
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
260	V. Tài sản dài hạn khác		65.881.110.487	58.850.552.424
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	61.252.977.083	50.545.801.356
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	4.628.133.404	5.613.289.027
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	2.691.462.041
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.608.170.844.534	2.704.500.864.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		923.869.830.318	1.071.279.863.832
310	I. Nợ ngắn hạn		840.354.604.902	937.417.611.526
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	64.684.317.939	55.667.222.604
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	6.820.644.351	116.222.690.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	15.975.932.502	7.865.896.928
314	4. Phải trả người lao động		8.479.010.346	9.820.517.627
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	9.044.992.768	22.697.854.443
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	12.921.260.514	11.098.252.142
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	692.440.163.972	689.673.771.479
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	29.988.282.510	24.371.405.691
330	II. Nợ dài hạn		83.515.225.416	133.862.252.306
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		283.077.298	849.231.858
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	10.190.855.983	10.060.855.983
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	4.720.000.000	64.990.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	68.321.292.135	57.962.164.465
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.684.301.014.216	1.633.221.000.256
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.644.382.425.638	1.589.240.195.847
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		578.116.732.076	568.026.596.583
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		127.719.882	133.182.845
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.580.351.423	115.289.865.814
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		22.652.126.887	18.906.648.220
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		125.928.224.536	96.383.217.594
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37.381.210.473	25.614.138.821
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		39.918.588.578	43.980.804.409
431	1. Nguồn kinh phí	23.1	2.506.077.155	3.909.335.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.2	37.412.511.423	40.071.468.816
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.608.170.844.534	2.704.500.864.088

Người lập
Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.375.848.051.922	2.010.303.955.884
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	1.858.056.565	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	2.373.989.995.357	2.010.303.955.884
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	2.044.165.813.844	1.734.000.105.691
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		329.824.181.513	276.303.850.193
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	16.811.547.176	13.734.720.603
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	27	42.984.969.016 42.620.987.199	44.413.053.516 41.109.240.410
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	13.1	(326.958.528)	(1.072.581.918)
25	9. Chi phí bán hàng	28	39.127.462.614	49.329.064.504
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	96.963.114.694	72.086.476.755
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		167.233.223.836	123.137.394.103
31	12. Thu nhập khác	29	1.189.692.232	2.255.390.844
32	13. Chi phí khác	29	6.621.596.824	8.409.449.204
40	14. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	29	(5.431.904.592)	(6.154.058.360)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

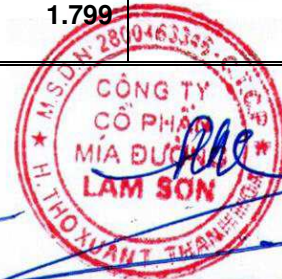
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		161.801.319.244	116.983.335.743
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	23.116.680.396	14.592.947.996
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	985.155.623	389.669.139
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		137.699.483.225	102.000.718.608
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	125.928.224.536	98.383.217.594
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	11.771.258.689	3.617.501.014
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.799	1.258
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	1.799	1.258



Người lập
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		161.801.319.244	116.983.335.743
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		160.670.634.190	146.152.432.688
03	Các khoản dự phòng		6.811.413.363	6.433.004.442
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		43.496.444	132.163.488
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.152.050.168)	(9.791.857.333)
06	Chi phí lãi vay	27	42.620.987.199	41.109.240.410
07	Các khoản điều chỉnh khác		14.000.000.000	6.000.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		369.795.800.272	307.018.319.438
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(49.967.378.154)	215.242.897.498
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		158.427.875.369	(218.730.035.520)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(133.077.115.151)	20.242.661.053
12	Tăngchi phí trả trước		(13.812.711.421)	(1.889.799.767)
14	Tiền lãi vay đã trả		(44.603.197.808)	(38.572.706.592)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(16.077.329.171)	(13.457.834.884)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.585.160.002	4.596.550.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.060.043.842)	(10.160.177.245)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		262.211.060.096	264.289.873.981
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(55.032.891.524)	(160.156.665.646)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(97.075.382.359)	(71.242.315.014)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		34.899.524.968	116.546.884.743
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(127.258.303.160)
	<i>Trong đó: Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, trừ đi tiền thu về</i>		-	<i>(33.573.578.086)</i>
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.890.500.000	94.020.109.274
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		5.411.709.350	12.627.449.348
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(97.906.539.565)	(135.462.840.455)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

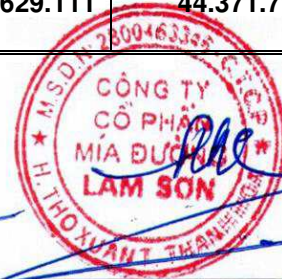
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.518.335.624.289	1.335.427.145.252
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.575.839.231.796)	(1.441.162.873.630)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(70.000.000.000)	(10.132.725.976)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(127.503.607.507)	(115.868.454.354)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		36.800.913.024	12.958.579.172
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.371.716.087	31.413.136.915
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	81.172.629.111	44.371.716.087



Người lập
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 1.996 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 2.089).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 98,04% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 8 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn (ii)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
8	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn (iii)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- (ii) Đây là công ty TNHH Một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn góp và được thành lập để thực hiện các hoạt động trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong năm, Công ty đã góp vốn với tổng giá trị là 139 tỷ VND vào công ty con này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn đang trong quá trình đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với tổng vốn điều lệ được điều chỉnh tăng lên thành 139 tỷ VND.
- (iii) Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng số vốn điều lệ là 26 tỷ đồng do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp vốn điều lệ vào công ty này và công ty này chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toánnăm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 iền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con(VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.15 *Nguồn kinh phí sự nghiệp*

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	663.275.387	1.385.810.007
Tiền gửi ngân hàng	14.562.121.280	30.442.572.780
Các khoản tương đương tiền (*)	65.947.232.444	12.543.333.300
TỔNG CỘNG	81.172.629.111	44.371.716.087

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,3% – 5,5%/năm.

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 5,3 - 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	112.908.075.321	127.019.638.046
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>66.714.186.000</i>	<i>8.925.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư phát triển Lam Kinh</i>	<i>13.900.000.000</i>	-
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam</i>	-	<i>77.151.112.500</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	-	<i>16.400.000.000</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>32.293.889.321</i>	<i>24.543.525.546</i>
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>2.921.603.000</u>	<u>3.521.603.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>115.829.678.321</u>	<u>130.541.241.046</u>
Dự phòng	(7.637.643.159)	(6.644.024.697)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	179.192.329.224	136.643.903.554
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp</i>		
<i>tác xã và hộ nông dân</i>	<i>147.876.112.819</i>	<i>99.750.065.188</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>31.316.216.405</i>	<i>36.893.838.366</i>
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>28.882.000.000</u>	<u>6.286.702.573</u>
TỔNG CỘNG	<u>208.074.329.224</u>	<u>142.930.606.127</u>
Dự phòng	(1.321.880.000)	-

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	16.919.765.705	4.566.887.648
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	5.950.589.839
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(342.777.858)	-
Dự phòng trích lập trong năm	<u>6.590.618.717</u>	<u>6.402.288.218</u>
Số cuối năm	<u>23.167.606.564</u>	<u>16.919.765.705</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn</i>		
<i>hạn(Thuyết minh số 6.1)</i>	<i>7.637.643.159</i>	<i>6.644.024.697</i>
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn</i>		
<i>hạn(Thuyết minh số 6.2)</i>	<i>1.321.880.000</i>	-
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn</i>		
<i>khác(Thuyết minh số 8)</i>	<i>14.208.083.405</i>	<i>10.275.741.008</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn						
Cho vay các hộ trồng mía	40.734.329.244	-	40.734.329.244	56.451.095.570	-	56.451.095.570
Dài hạn						
Cho vay các hộ trồng mía	1.815.401.544	-	1.815.401.544	4.092.401.544	-	4.092.401.544
TỔNG CỘNG	42.549.730.788	-	42.549.730.788	60.543.497.114	-	60.543.497.114

Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn từ dưới 1 năm đến 3 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân với mức lãi suất là 6,5%/năm để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THUNGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản cho vay không lãi suất quá hạn	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(4.252.030.153)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	6.000.000.000	-	-	-
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía (**)	5.379.860.078	(4.462.078.669)	6.173.554.936	(4.781.766.425)
Tạm ứng cho công nhân viên	2.472.965.970	(121.790.939)	1.067.602.995	(121.790.939)
Phải thu về tiền lãi dự thu	1.559.638.332	-	-	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.180.952.000	-	11.552.641.754	-
Phải thu khác	4.737.201.641	(1.120.153.491)	1.993.480.102	(1.120.153.491)
TỔNG CỘNG	36.834.678.327	(14.208.083.405)	29.291.340.093	(10.275.741.008)
Trong đó:				
Phải thu khác	28.330.618.021		20.787.279.787	
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	8.504.060.306		8.504.060.306	

(*) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn này vào ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này, mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này với tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ vốn góp.

(**) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống cho các hộ nông dân vay để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm (*)	394.731.069.270	-	508.286.041.371	-
Nguyên liệu, vật liệu	79.151.531.021	(3.207.961.805)	99.885.187.662	(2.644.389.301)
Hàng hóa	46.969.139.504	-	75.864.957.503	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.526.256.836	-	25.308.956.252	-
Công cụ, dụng cụ	737.670.211	(119.991.509)	1.513.774.196	(119.991.509)
Hàng gửi bán	155.899.762	-	149.062.948	-
TỔNG CỘNG	555.271.566.604	(3.327.953.314)	711.007.979.932	(2.764.380.810)

(*) Công ty và Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, đã sử dụng toàn bộ thành phẩm tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.764.380.810	9.491.500
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	563.572.504	40.207.724
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	2.724.173.086
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(9.491.500)
Số cuối năm	3.327.953.314	2.764.380.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	688.704.588.853	2.184.597.967.734	81.025.611.266	24.403.566.406	533.390.000	2.979.265.124.259
- Mua trong năm	3.183.558.092	33.456.115.916	5.290.397.272	84.800.398	-	42.014.871.678
- Đầu tư XDCB hoàn thành	40.665.094.547	868.329.137	-	68.999.700	3.034.548.810	44.636.972.194
Số cuối năm	<u>732.553.241.492</u>	<u>2.218.922.412.787</u>	<u>86.316.008.538</u>	<u>24.557.366.504</u>	<u>3.567.938.810</u>	<u>3.065.916.968.131</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>212.807.763.704</i>	<i>710.646.464.703</i>	<i>51.557.054.220</i>	<i>20.317.755.427</i>	<i>-</i>	<i>995.329.038.054</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	281.478.668.050	1.197.851.261.744	68.458.002.702	22.413.289.208	224.766.813	1.570.425.988.519
- Khấu hao trong năm	31.539.108.111	126.857.932.077	4.659.149.924	602.135.933	184.351.889	163.842.677.934
- Tăng/(giảm) khác	(78.504.002)	63.599.692	-	8.603.910	-	(6.300.400)
Số cuối năm	<u>312.939.272.159</u>	<u>1.324.772.793.513</u>	<u>73.117.152.626</u>	<u>23.024.029.051</u>	<u>409.118.702</u>	<u>1.734.262.366.051</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>407.225.920.803</u>	<u>986.746.705.990</u>	<u>12.567.608.564</u>	<u>1.990.277.198</u>	<u>308.623.187</u>	<u>1.408.839.135.742</u>
Số cuối năm	<u>419.613.969.333</u>	<u>894.149.619.274</u>	<u>13.198.855.912</u>	<u>1.533.337.453</u>	<u>3.158.820.108</u>	<u>1.331.654.602.080</u>

Công ty và các công ty con đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.817.702.014	18.778.159.158	10.087.620.418	33.683.481.590
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.220.077.986	-	-	14.220.077.986
Số cuối năm	19.037.780.000	18.778.159.158	10.087.620.418	47.903.559.576
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	457.840.700	457.840.700
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	613.923.043	9.406.664.099	10.020.587.142
Hao mòn trong năm	-	339.760.713	397.370.146	737.130.859
Số cuối năm	-	953.683.756	9.804.034.245	10.757.718.001
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.817.702.014	18.164.236.115	680.956.319	23.662.894.448
Số cuối năm	19.037.780.000	17.824.475.402	283.586.173	37.145.841.575

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	19.846.070.844	37.958.246.150
Dự án công viên sinh thái Thanh Tam	11.772.191.296	5.343.861.981
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	5.699.143.987	-
Dự án văn phòng làm việc, nhà ở	-	21.084.077.986
Các dự án khác	9.262.712.432	8.204.621.914
TỔNG CỘNG	46.580.118.559	72.590.808.031

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	15.388.242.407	18.538.401.588
Đầu tư dài hạn khác	13.2	15.251.145.800	15.251.145.800
TỔNG CỘNG		30.639.388.207	33.789.547.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	-	-	46,31%	55.562
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Tổng cộng
Số đầu năm	3.134.567.241	-	15.403.834.347	18.538.401.588
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(311.366.588)	-	(15.591.940)	(326.958.528)
Giảm do chuyển nhượng khoản đầu tư trong năm	(2.823.200.653)	-	-	(2.823.200.653)
Số cuối năm	-	-	15.388.242.407	15.388.242.407

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi. Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần được đầu tư tại đơn vị này.

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
TỔNG CỘNG		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.251.145.800	-	15.251.145.800

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	56.401.055.999	35.474.138.945
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.746.535.054	5.754.613.076
Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	3.237.165.219
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	-	3.000.664.011
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.105.386.030	3.079.220.105
TỔNG CỘNG	61.252.977.083	50.545.801.356

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	60.195.192.789	60.195.192.789	44.961.265.534	44.961.265.534
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	6.528.829.422	6.528.829.422	1.873.379.294	1.873.379.294
<i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	53.666.363.367	53.666.363.367	43.087.886.240	43.087.886.240
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	4.489.125.150	4.489.125.150	10.705.957.070	10.705.957.070
TỔNG CỘNG	64.684.317.939	64.684.317.939	55.667.222.604	55.667.222.604

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước	6.276.944.351	37.008.020.612
<i>Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh</i>	-	13.284.404.250
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	6.276.944.351	23.723.616.362
Các bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 32</i>)	543.700.000	79.214.670.000
TỔNG CỘNG	6.820.644.351	116.222.690.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp/bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.084.740.925	117.017.213.082	(113.879.789.531)	5.222.164.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.325.605.378	21.294.278.214	(16.077.329.171)	10.542.554.421
Thuế thu nhập cá nhân	86.445.335	2.513.758.855	(2.546.371.974)	53.832.216
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	369.105.290	3.301.672.780	(3.513.396.681)	157.381.389
TỔNG CỘNG	7.865.896.928	144.126.922.931	(136.016.887.357)	15.975.932.502

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	3.334.190.420	2.878.975.000
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.788.193.967	3.770.404.576
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	633.171.867	763.984.339
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu	125.080.095	4.156.530.272
Chi phí xây dựng Trung tâm công nghệ cao	75.911.721	6.136.942.545
Các khoản khác	3.088.444.698	4.991.017.711
TỔNG CỘNG	9.044.992.768	22.697.854.443

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	2.234.355.000	-
Kinh phí công đoàn	1.736.230.388	1.746.746.403
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	774.601.080	1.329.061.412
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	703.925.934	495.048.674
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.472.148.112	7.527.395.653
	12.921.260.514	11.098.252.142
Dài hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.230.000.000	1.100.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.240.264.833	1.240.264.833
	10.190.855.983	10.060.855.983
TỔNG CỘNG	23.112.116.497	21.159.108.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	643.473.771.479	643.473.771.479	1.517.985.624.289	(1.475.789.231.796)	685.670.163.972	685.670.163.972
Vay đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	350.000.000	-	1.330.000.000	1.330.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	43.220.000.000	43.220.000.000	24.330.000.000	(62.110.000.000)	5.440.000.000	5.440.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
	689.673.771.479	689.673.771.479	1.542.665.624.289	(1.539.899.231.796)	692.440.163.972	692.440.163.972
Vay dài hạn						
Vay dài hạn đối tượng khác (**)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngân hàng	64.990.000.000	64.990.000.000	-	(62.270.000.000)	2.720.000.000	2.720.000.000
	64.990.000.000	64.990.000.000	2.000.000.000	(62.270.000.000)	4.720.000.000	4.720.000.000
TỔNG CỘNG	754.663.771.479	754.663.771.479	1.544.665.624.289	(1.602.169.231.796)	697.160.163.972	697.160.163.972

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty căn cứ theo các hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013, ngày 4 tháng 11 năm 2014 và ngày 12 tháng 11 năm 2016 với số tiền tương ứng là 800 triệu đồng, 180 triệu đồng và 350 triệu đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất là 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 10 năm 2017. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng số 01/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2017 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	467.306.917.999	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 1 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,2%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	37.363.192.982	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng	6,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	16.312.321.408	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 11 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,1%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	22.332.900.052	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 10 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	83.004.831.531	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 9 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,0% - 6,5%	Thành phẩm tồn kho của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	59.350.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 10 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,8%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
	685.670.163.972			

19.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	8.160.000.000	Gốc vay được thanh toán từ ngày 1 tháng 6 năm 2007 đến ngày 1 tháng 12 năm 2018. Lãi vay được trả 6 tháng một lần.	5,4%	Tín chấp
	8.160.000.000			
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.440.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	24.371.405.691	71.594.003.428
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 22.1)	10.297.847.100	2.308.254.240
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	593.858.569
Điều chuyển sang nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	(42.164.074.443)
Giảm khác	-	(1.704.349.339)
Sử dụng quỹ trong năm	(4.680.970.281)	(6.256.286.764)
Số cuối năm	<u>29.988.282.510</u>	<u>24.371.405.691</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	57.962.164.465	54.845.221.078
Trích lập quỹ trong năm	14.000.000.000	6.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(3.640.872.330)	(2.883.056.613)
Số cuối năm	<u>68.321.292.135</u>	<u>57.962.164.465</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>19.847.622.948</i>	<i>16.206.992.705</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>48.473.669.187</i>	<i>41.755.171.760</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	580.895.153.393	133.182.845	16.287.017.797	427.362.774	1.477.919.128.593
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	98.383.217.594	3.617.501.014	102.000.718.608
- Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	20.474.711.525	20.474.711.525
- Bán cổ phần trong năm	-	-	-	-	-	1.550.000.000	1.550.000.000
- Mua cổ phần trong năm	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.500.000.000)	-	(10.500.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.746.774.021	-	(1.746.774.021)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.308.254.240)	-	(2.308.254.240)
- Hoàn nhập quỹ về lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(13.494.612.059)	-	13.494.612.059	-	-
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(1.120.718.772)	-	1.141.142.729	(20.423.957)	-
- Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	538.903.896	(135.012.535)	403.891.361
Số cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	133.182.845	115.289.865.814	25.614.138.821	1.589.240.195.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU(tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay							
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	133.182.845	115.289.865.814	25.614.138.821	1.589.240.195.847
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	125.928.224.536	11.771.258.688	137.699.483.225
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.297.847.100	-	(10.297.847.100)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.297.847.100)	-	(10.297.847.100)
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.234.355.000)	-	(2.234.355.000)
- Tăng/(giảm) khác	-	-	(207.711.607)	(5.462.963)	192.310.273	(4.187.036)	(25.051.334)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>578.116.732.076</u>	<u>127.719.882</u>	<u>148.580.351.423</u>	<u>37.381.210.473</u>	<u>1.644.382.425.638</u>

Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 10 năm 2016.

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.276.411.784	180.276.411.784	-
TỔNG CỘNG	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>	<u>-</u>	<u>880.276.411.784</u>	<u>880.276.411.784</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	70.000.000.000	10.132.725.976

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND (2015 - 2016: 10.000 VND).

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông				700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	-

22.5 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015/2016	70.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2014	-	10.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (*)	56.000.000.000	42.000.000.000

(*) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 500 NQ/2016/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 800 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 316 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

23.1 Nguồn kinh phí

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.909.335.593	549.973.593
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	10.639.540.502	4.596.550.000
Chi trong năm	(12.042.798.940)	(1.237.188.000)
Số cuối năm	<u>2.506.077.155</u>	<u>3.909.335.593</u>

23.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	40.071.468.816	83.334.664
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	42.164.074.443
Sử dụng trong năm	(2.658.957.393)	(2.092.605.627)
Giảm khác	-	(83.334.664)
Số cuối năm	<u>37.412.511.423</u>	<u>40.071.468.816</u>

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	187.465.634.602	29.167.000.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.256	1.157
- Euro (EUR)	335	105

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là giá trị của 12.976 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	2.375.848.051.922	2.010.303.955.884
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.796.815.095.489</i>	<i>1.603.324.473.555</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>519.341.534.357</i>	<i>366.927.841.723</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>59.691.422.076</i>	<i>40.051.640.606</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.858.056.565)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.858.056.565)</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	2.373.989.995.357	2.010.303.955.884
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.794.957.038.924</i>	<i>1.603.324.473.555</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>519.341.534.357</i>	<i>366.927.841.723</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>59.691.422.077</i>	<i>40.051.640.606</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>514.850.669.051</i>	<i>191.743.171.425</i>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	<i>1.859.139.326.306</i>	<i>1.818.560.784.459</i>

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ hoạt động thanh lý khoản đầu tư dài hạn	11.067.299.347	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.265.089.825	3.334.564.348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	146.442.500	9.292.885.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	179.212.809	396.005.304
Lãi bán hàng trả chậm	148.485.000	215.091.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.017.695	496.174.451
TỔNG CỘNG	16.811.547.176	13.734.720.603

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.476.074.660.683	1.337.216.640.962
Giá vốn của hàng hóa đã bán	512.081.166.908	357.949.494.221
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.009.986.253	38.833.970.508
TỔNG CỘNG	2.044.165.813.844	1.734.000.105.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	42.620.987.199	41.109.240.410
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	361.180.404	786.783.106
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.517.030.000
Chi phí tài chính khác	2.801.413	-
TỔNG CỘNG	<u>42.984.969.016</u>	<u>44.413.053.516</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	39.127.462.614	49.329.064.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.174.944.726	8.585.355.159
Chi phí nhân công	9.718.954.218	8.281.857.072
Chi phí vận chuyển	7.800.730.188	25.235.251.377
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.983.141.938	2.133.202.641
Chi phí bán hàng khác	8.449.691.544	5.093.398.255
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	96.963.114.694	72.086.476.755
Chi phí nhân công	34.709.754.489	24.225.740.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.387.581.226	18.336.458.433
Trích lập quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	14.000.000.000	6.000.000.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10.329.713.880	7.195.849.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.536.065.099	16.328.428.657
TỔNG CỘNG	<u>136.090.577.308</u>	<u>121.415.541.259</u>

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	1.189.692.232	2.255.390.844
Thu nhập từ hoạt động bán sắt, thép, phế liệu	-	1.027.380.000
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	754.019.902
Thu nhập khác	1.189.692.232	473.990.942
Chi phí khác	6.621.596.824	8.409.449.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	4.323.639.215	6.848.868.234
Chi phí phạt và truy thu thuế	402.609.732	1.338.767.591
Chi phí khác	1.895.347.877	221.813.379
LỖ THUẦN KHÁC	<u>(5.431.904.592)</u>	<u>(6.154.058.360)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.325.454.494.220	1.279.599.090.489
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	155.943.255.782	141.325.586.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.942.698.658	144.379.294.584
Chi phí nhân công	95.901.669.616	83.593.484.042
Chi phí khác	53.620.108.281	31.427.367.084
TỔNG CỘNG	<u>1.773.512.895.761</u>	<u>1.680.324.822.955</u>

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và 17% đối với các thu nhập từ các hoạt động khác tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; và
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.116.680.396	14.592.947.996
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	985.155.623	389.669.139
TỔNG CỘNG	<u>24.101.836.019</u>	<u>14.982.617.135</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	161.801.319.244	116.983.335.743
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Khấu hao vượt mức quy định	534.922.512	334.922.510
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	4.535.695.075	6.848.868.234
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	1.315.700.000	500.900.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	1.083.600.339	-
Các khoản tăng khác	1.493.135.062	1.880.767.591
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(146.442.500)	(9.292.885.000)
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(4.875.006.053)	(3.560.236.844)
Các khoản giảm khác	-	(675.019.901)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	165.742.923.679	113.020.652.333
Lỗ năm trước chuyển sang	(11.465.661.175)	(5.874.866.513)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	154.277.262.504	107.145.785.820
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	163.283.877
Thu nhập chịu thuế suất 20%	14.911.073.016	786.388.338
Thu nhập chịu thuế suất 17%	-	926.355.198
Thu nhập chịu thuế suất 15%	113.866.508.002	102.025.893.020
Thu nhập chịu thuế suất 10%	26.371.048.698	5.727.969.444
Thu nhập được miễn thuế	1.602.445.710	41.034.802
Lỗ của các công ty con (*)	(2.473.812.922)	(2.525.138.859)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	22.699.295.673	16.227.361.402
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.503.203.196	3.387.408.161
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời từ năm trước	(227.542.713)	(1.634.413.406)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	644.927.436	1.533.361.433
Giảm thuế TNDN phải nộp từ hợp nhất kinh doanh	-	(2.552.679.510)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(16.077.329.171)	(13.457.834.884)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	10.542.554.421	3.503.203.196
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp cuối năm (Thuyết minh số 16)	10.542.554.421	5.325.605.378
Thuế TNDN trả trước cuối năm	-	(1.822.402.182)

(*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	4.569.567.255	5.613.289.027	(1.043.721.772)	-
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cân trừ khi hợp nhất khác	58.566.149	-	58.566.149	(389.669.139)
	<u>4.628.133.404</u>	<u>5.613.289.027</u>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			<u>(985.155.623)</u>	<u>(389.669.139)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	16.725.503.674
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	50.483.747.533	51.181.928.773
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	514.850.669.051	191.743.171.425
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	5.404.702.573	19.433.800.087

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.712.831.653 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải thu tiền mua nguyên vật liệu	-	600.000.000
			2.921.603.000	3.521.603.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	28.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	-	5.404.702.573
			28.882.000.000	6.286.702.573
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
			8.504.060.306	8.504.060.306
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	4.489.125.150	10.705.957.070
			4.489.125.150	10.705.957.070
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	543.700.000	79.214.670.000
			543.700.000	79.214.670.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	4.214.876.416	3.656.904.299
TỔNG CỘNG	4.214.876.416	3.656.904.299

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	125.928.224.536	98.383.217.594
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(10.297.847.100)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	125.928.224.536	88.085.370.494
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	1.799	1.258
- <i>Lãi suy giảm</i>	1.799	1.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU(tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 10 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 98,04% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có cam kết góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, với tổng số tiền là 26 tỷ VND.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 3tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

36. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Chi tiết như sau:

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (được phân loại lại)
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	6.000.000.000	6.000.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn chủ sở hữu	301.018.319.438	6.000.000.000	307.018.319.438
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	26.242.661.053	(6.000.000.000)	20.242.661.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngoài ra, Công ty cũng đã trình bày lại chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 như được trình bày tại Thuyết minh số 33.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 22.5, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 800 VND/cổ phiếu. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Người lập
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017



lasuco

since 1980

tất cả là tự nhiên

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Khu 6 - TT. Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Thanh Hóa
Điện thoại: +(84) 237 899 6667 | Fax: +(84) 237 834 092
Email: info@lasuco.com.vn | Web: www.lasuco.com.vn

CHI NHÁNH LASUCO TẠI HÀ NỘI

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: 6/53 Nguyễn Khoái - P. Bạch Đằng - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: +(84) 243 9 834 725 | Fax: +(84) 243 8 621 106
Email: lamsonhanoi@gmail.com | kinhdoanh.lasuco@gmail.com

CHI NHÁNH LASUCO TẠI THANH HÓA

VĂN PHÒNG LASUCO - GIZEF (VIỆT NAM)

Địa chỉ: 145 Dương Đình Nghệ - Thành phố Thanh Hóa - Việt Nam
Điện thoại: +(84) 2373 720 338 | Fax: +(84) 2373 720 338
Email: Gizef.lasuco@gmail.com

CHI NHÁNH LASUCO TẠI ĐỨC

GIZEF - LASUCO OFFICE (GERMANY)

Địa chỉ: Grunder-und innovationszentrum Freiberg Brand-Erbisdorf GmbH (GIZEF)
Điện thoại: Am St.-Niclas-Schacht 13 S-090599 Freiberg BRD
Tel & Fax: +(84) 49 3731 7810